



STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Chức vụ
1872	Trần Thị Thiện	15/09/1969	272224912	Thường trú: Khu phố 8A, Long Bình	Phụ bán cơm	Quán cơm niêu Văn Hương (Có XN chủ quán)	01/04/2020	0	1.000.000		
1873	Vũ Thị Nhi	18/10/1972	272869994	Thường trú: Khu phố 8A, Long Bình	Phụ bán cơm	Quán cơm niêu Văn Hương (Có XN chủ quán)	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
1874	Trần Văn Cà Nu	1983	341244636	Tạm trú: Khu phố 8A, Long Bình	Bán hàng rong nước uống	Khu vực Long Bình	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
1875	Nguyễn Bá Tâm	14/06/2002	272899430	Thường trú: Khu phố 8A, Long Bình	Phụ bán cơm	Quán cơm niêu Văn Hương (Có XN chủ quán)	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
1876	Nguyễn Thị Cẩm	21/12/1963	038163001672	Tạm trú: Khu phố 8A, Long Bình	Thu gom rác, phế liệu	Khu phố 8A, Long Bình	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
1877	Dương Thị Thanh Tuyền	30/09/2001	272859538	Thường trú: Khu phố 1, Long Bình	Bán bún riêu của bằng xe máy	Khu vực Khu công nghiệp	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
1878	Dương Thị Mai	15/07/1989	272124305	Thường trú: Khu phố 5, Long Bình	Bán cá viên chiên	Khu vực Long Bình	01/04/2020	1.100.000	1.000.000		
1879	Lưu Thị Thiêm	26/06/1960	272269029	Thường trú: Khu phố 5, Long Bình	Bán cá viên chiên	Khu vực Long Bình	01/04/2020	1.100.000	1.000.000		
1880	Lê Hồng Sơn	02/09/1992	272286722	Thường trú: Khu phố 8A, Long Bình	Bán bánh bao dạo	Khu vực Long Bình	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		

20. PHƯỜNG TÂN PHONG

1881	Phan Tinh	01/01/1973	211914279	83/2/7, kp2	bán hàng rong cà rem	KV. Tân Phong	01/04/2020	0	1.000.000		
1882	Lâu Hữu Chân	22/09/1964	270140907	153 KP2	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
1883	Lâu Dầu Chí	26/03/1966	270695980	153 KP2	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
1884	Nguyễn Thị Vương	01/01/1970	272768346	127 KP2	thu gom rác, phế liệu	KV. Biên Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
1885	Phùng Văn Văn	18/08/1959	270140230	49/18/5 KP2	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	500.000	1.000.000		
1886	Đỗ Hùng Lân	25/11/1963	270934313	83/41A KP2	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	500.000	1.000.000		
1887	Phùng Văn Hình	26/11/1969	270943920	49/18/5 KP2	phụ quán	Quán thò Thuận Hòa M26, kp6, P. Tân Phong	01/04/2020	0	1.000.000		
1888	Đoàn Hoàng Kim	10/07/1988	271966773	83/1/6A KP2	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	400.000	1.000.000		
1889	Thạch Hùng	13/07/1957	270140789	49/14 KP2	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	400.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (BVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (BVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Chức vụ
1890	Lại Viết Quang	08/08/1954	271098319	83/72 KP2	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	500,000	1,000,000		
1891	Phạm Văn Thanh	1966	272036041	9/5A KP2	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	500,000	1,000,000		
1892	Nguyễn Văn Thanh	1957	272203246	43/35B KP2	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1,000,000	1,000,000		
1893	Vy Hoàng Anh Phú	27/06/1988	272011050	9/11 KP2	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	400,000	1,000,000		
1894	Trần Thị Thủy Kiều	16/12/1978	211999409	83/27, kp2	thu gom rác, phế liệu	KV. Tân Phong	01/04/2020	500,000	1,000,000		
1895	Dương Thị Thịnh	21/11/1958	060158000003	TT 9/19 KP2	Bán hàng rong bánh ngọt các loại	KV. Biên Hòa	01/04/2020	400,000	1,000,000		
1896	Chị A Nhi	08/10/1960	270140303	49/8 KP2	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	500,000	1,000,000		
1897	Vòng A Hải	06/05/1965	270710453	49/7 KP2	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	400,000	1,000,000		
1898	Ngô Viết Mộc	26/12/1962	270500745	91 KP2	Bán hàng rong đồ nấu dùng gia đình	KV. Công công ty Pouchen, changsin	01/04/2020	1,000,000	1,000,000		
1899	Vòng Khiển	1972	271202590	40 KP2	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1,000,000	1,000,000		
1900	Vòng A Cầu	05/04/1956	270047582	49/12 KP2	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1,000,000	1,000,000		
1901	Châu A Nhi	02/02/1958	270140469	42 KP2	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	0	1,000,000		
1902	Lê Công Hiệp	20/04/1959	270117309	83/54/07 KP2	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	700,000	1,000,000		
1903	Nguyễn Ngọc Tuấn	14/09/1967	270859529	07 KP2	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1,000,000	1,000,000		
1904	Vòng Quang Hiệp	11/02/1980	271376223	49/14 KP2	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	0	1,000,000		
1905	Lâm Thị Hằng	04/10/1962	270133894	173/15/22 KP3	phụ rửa chén	Quản bán bỏ Ba Tàt KP3 p. Tân Phong	01/04/2020	0	1,000,000		
1906	Nguyễn Văn Nam	10/09/1957	270475692	91/38 KP3	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	Khu vực Biên Hòa	01/04/2020	1,700,000	1,000,000		
1907	Đinh Đức Hưng	20/09/1972	270971734	91/54, kp3	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	Khu vực Biên Hòa	01/04/2020	1,500,000	1,000,000		
1908	Nguyễn Trung Tả	21/12/1980	271444918	173/39B Kp3	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	Khu vực Biên Hòa	01/04/2020	1,500,000	1,000,000		

STT	Họ và tên	Nam sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1909	Nguyễn Văn Hương	03/04/1963	270134185	91/52/22, kp3	chạy xe xích tở lưu động	khu vực Biên Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
1910	Đào Thị Vui	02/02/1963	272583723	91/72/11/3 KP3	Bán hàng rong bánh mì	KV Biên Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
1911	Nguyễn Thị Vui	1951	270134804	91/72/1A KP3	Bán hàng rong đẩy xe nước sắn lạnh	KV chợ Biên Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
1912	Đặng Thị Ngọc Quỳnh	31/07/1956	270038826	1506/74/21, kp3	phụ quán cơm	Quán cô Đào 173/41/24, kp3 Tân Phong	01/04/2020	0	1.000.000		
1913	Trần Văn Bình	1971	270971859	173/31/41, kp3	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	khu vực Biên Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
1914	Nguyễn Văn Hải	04/06/1966	270696092	173/15/48, kp3	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	khu vực Biên Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
1915	Chu Thị Kim Liên	28/07/1958	270907599	97 KP3	Bán hàng rong đẩy xe nước giải khát	khu vực Biên Hòa	01/04/2020	1.400.000	1.000.000		
1916	Nguyễn Văn Bưu	11/10/1951	270134272	173/29/6 Kp3	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	khu vực Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
1917	Phạm Thị Thu Vân	14/02/1970	270971155	91/108/9/7A KP3	Bán hàng rong xôi, chè	KV công các công ty khu công nghiệp	01/04/2020	0	1.000.000		
1918	Nguyễn Chiến Thuật	03/05/1965	270695076	1/57A, kp5	Bán kem lưu động	KV, Biên Hòa	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
1919	Nguyễn Thị Liên	27/08/1961	270101257	1/31, kp5	phụ quán	Quán ốc mè, 2/115 kp5 Tân Phong	01/04/2020	0	1.000.000		
1920	Nguyễn Thị Hoài Hương	10/08/1970	270870497	M1/1/9D, kp5	Bán hàng rong rau	KV, Biên Hòa	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
1921	Đặng Thị Huệ	1970	270949580	M1/40/37B, kp5	Bán hàng rong rau	KV, Biên Hòa	01/04/2020	600.000	1.000.000		
1922	Nguyễn Văn Nguyễn	20/02/1966	272641672	M2/26, kp5	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV, Biên Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
1923	Nguyễn Đức Thông	13/11/1962	270099664	M2/62, kp5	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV, Biên Hòa	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
1924	Nguyễn Đình Trung	25/11/1966	270727137	M1/25C, kp5	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV, Biên Hòa	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
1925	Nguyễn Đức Thành	05/02/1954	270101570	M1/24/12, kp5	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV, Biên Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
1926	Vũ Thị Thơm	02/01/1959	270695467	M1/29/27A, kp5	thủ gom rác phế liệu	KV, Biên Hòa	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
1927	Nguyễn Thị Thủy Nga	19/03/1961	270101211	M2/46, kp5	thủ gom rác phế liệu	KV, Biên Hòa	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1928	Nguyễn Thị Hồng	15/02/1973	272409763	M4/90 KP6	Thu gom rác, phế liệu	KV. Biên Hòa	01/04/2020	900,000	1.000.000		
1929	Ngô Thị Nghiếp	02/10/1952	270101172	4/86 KP6	Thu gom rác, phế liệu	KV. Biên Hòa	01/04/2020	900,000	1.000.000		
1930	Phạm Thị Hằng	03/05/1968	270892498	M4/97A KP6	Bán hàng rong quần áo	KV. Công các công ty khu công nghiệp	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
1931	Phạm Thị Thơm	04/05/1958	272271985	KP6	Thu gom rác, phế liệu	KV. Biên Hòa	01/04/2020	900,000	1.000.000		
1932	Nguyễn Văn Chính	05/08/1951	272037893	3/2E, kp6	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	900,000	1.000.000		
1933	Nguyễn Văn Phúc	19/05/1966	270695005	M4/68 KP6	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	900,000	1.000.000		
1934	Nguyễn Văn Phong	01/04/1963	270099896	3/3/48 Kp6	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	800,000	1.000.000		
1935	Phạm Minh Nhật	10/10/1997	272716993	3/56 KP6	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	900,000	1.000.000		
1936	Nguyễn Ngọc Trọng Quyền	16/02/1982	271444979	M4/72B KP6	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
1937	Nguyễn Tân	14/05/1961	270098948	M3/40 KP6	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	900,000	1.000.000		
1938	Phạm Đức Hùng	25/07/1966	270689518	1/1/16C KP6	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
1939	Phạm Minh Hùng	21/11/1989	271965452	3/56 KP6	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	900,000	1.000.000		
1940	Lương Vinh	03/06/1963	270099969	M3/46 Kp6	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
1941	Nguyễn Ngọc Thành	12/12/1966	270839986	H10/3/3 KP7	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
1942	Nguyễn Văn Hải	13/06/1962	270134834	H12/5 KP7	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
1943	Đào Duy Giàu	17/05/1963	270091001	H8A KP7	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
1944	Nguyễn Thành Châu	28/02/1964	271957703	1344/25/2/1 KP7	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
1945	Hoàng Văn Triều	17/04/1964	271161569	B108 Kp7	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
1946	Võ Thị Sen	1957	270434168	7/15 KP7	Phụ việc quán	Quán Ốc chơi H15, KP7 p. Tân Phong	01/04/2020	0	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1947	Nguyễn Thị Thu Thảo	11/11/1988	271936987	7/15 KP7	Phụ bán quán	Quán Ốc chồi H15, KP7 p. Tân Phong	01/04/2020	0	1.000.000		
1948	Nguyễn Thị Xinh	1963	270105637	7/15 KP7	Phụ việc quán	Quán Ốc chồi H15, KP7 p. Tân Phong	01/04/2020	0	1.000.000		
1949	Châu Võ Tổng Lan	23/03/1962	270081887	B06, kp7	Bán hàng rong bánh cam - kẹo	Khu vực công viên Biên Hùng	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
1950	Nguyễn Thị Kim Thoa	1977	272688451	H14/10 KP7	thu gom rác, phế liệu	KV. Biên Hòa	01/04/2020	700.000	1.000.000		
1951	Phạm Thị Dẻo	1963	270079324	B134/10 KP7	thu gom rác, phế liệu	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
1952	Ngô Thị Ánh Hồng	15/07/1971	270993943	50B, kp7	thu gom rác, phế liệu	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
1953	Mai Thị Châm	20/07/1959	272289310	70/4/15B KP9	thu gom rác, phế liệu	Không có định	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
1954	Tô Thanh Phước	08/04/1967	270686165	25A KP9	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	Không có định	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
1955	Nguyễn Thị Thanh Thủy	11/11/1963	270091220	847/86 KP9	Tạp vụ	Nhà hàng Kosho KP7 p. Thống Nhất Biên Hòa	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
1956	Bùi Thị Thanh Trúc	17/02/1976	271241141	255/11 KP9	Bán xôi rong	Không có định	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
1957	Tăng Sông Bân	01/08/1965	270710600	115 KP9	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	Không có định	01/04/2020	800.000	1.000.000		
1958	Lương Thị Liên	20/04/1974	272739460	88/6/48 KP9	thu gom rác, phế liệu	Không có định	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
1959	Lê Thị Nga	03/08/1963	272279911	12/1/2 KP9	thu gom rác, phế liệu	Không có định	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
1960	Đỗ Thị Phương	15/02/1958	270602509	255/5 KP9	thu gom rác, phế liệu	Không có định	01/04/2020	800.000	1.000.000		
1961	Phạm Thị Khải	19/05/1963	145906709	23/14/37 KP9	thu gom rác, phế liệu	Không có định	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
1962	Đỗ Ngọc Dũng	10/07/1968	173740095	TT 88/6/25 KP9	Bán hàng rong bánh bò, bánh ngọt	Không có định	01/04/2020	600.000	1.000.000		
1963	Võ Thị Phúc Vinh	19/09/1979	212114243	16 KP9	Bán hàng rong bánh kẹp	Không có định	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
1964	Nguyễn Văn Huỳnh	05/02/1958	270127433	80/4A, kp9	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	Không có định	01/04/2020	800.000	1.000.000		
1965	Ngô Văn Bình	19/09/1956	270098180	89/6 KP9	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	Không có định	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhân và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1966	Hà Thị Tuyết	21/03/1961	272487460	87A KP9	Bán hàng rong trái cây	Không có định	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
1967	Nguyễn Thanh Mỹ	20/06/1968	87068000089	TT 84/7/24, kp9	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	Không có định	01/04/2020	850.000	1.000.000		
1968	Hoàng Thị Xinh	03/10/1954	270032838	70/4/15A KP9	Bán hàng rong xôi chè	KV. Bình Đa - An Bình	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
1969	Trần Văn Thanh	28/07/1949	270138920	70/4/15A KP9	Bán hàng rong chè	KV. Hồ Nai - Tân Biên	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
1970	Nguyễn Thị Anh Đào	09/04/1989	272001187	tạm trú 81/5/35E KP11	Bán hàng rong trái cây và rau	KV. Biên Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
1971	Lý Thị Thuận	10/12/1981	272780422	62A7 KP11	Bán hàng rong rau củ quả	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
1972	Vũ Thị Xuân	1973	162710472	24A7, kp11	Thu gom rác, phế liệu	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
1973	Đoàn Đức Hộ	30/06/1960	272533154	10C1 Kp11	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
1974	Cao Thị Hằng	06/09/1987	173471301	TT 3C4 KP11	Bán hàng rong đậu phộng	KV. Biên Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
1975	Trương Thị Giang	25/06/1977	38177001931	tạm trú tổ 47 Kp11	Thu gom rác, phế liệu	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
1976	Nguyễn Thị Loan	14/05/1982	172070914	tạm trú 7A13, kp11	Thu gom rác, phế liệu	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
1977	Nguyễn Thị Hồng	22/06/1982	272661785	70C4 Kp11	Bán hàng rong quần áo, kẹp tóc, khăn trang	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
1978	Trần Thị Oanh	14/06/1983	272678828	41/A7 KP11	Bán hàng rong giấy dếp	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
1979	Nguyễn Thị Dung	20/06/1976	272866607	24C7 KP11	Bán hàng rong mũ nón	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
1980	Thiếu Thị Thu	12/10/1959	038159005265	tạm trú 12A9 KP11	Thu gom rác, phế liệu	KV. Tân Phong	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
1981	Lê Danh Phong	12/12/1974	272926072	24C7 KP11	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
1982	Lê Hồng Toàn	04/09/1958	271432829	31 KP11	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
1983	Bùi Thị Mỹ	01/01/1970	092170002893	TT 226 KP11	Bán hàng rong trái cây, dừa	KV. Biên Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
1984	Nguyễn Thị Chiến	04/09/1988	036188001098	16A7 KP11	Bán hàng rong quần áo	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1985	Trương Thị Nghi	28/03/1977	276079532	23CS, kp11	Bán hàng rong trái cây, đậu phông	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
1986	Nguyễn Thị Thu Hoa	13/09/1976	272299840	30A8 KP11	Bán hàng rong bánh mì	KV. Đường Nguyễn Văn Tiên, Đồng Khởi	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
1987	Trương Lệnh	01/01/1985	212473417	tạm trú 3C4 KP11	Bán hàng rong đậu phông, bắp ngô	KV. Biên Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
1988	Lê Thị Hiền	03/05/1975	38175003096	170/20/39A, kp11A	thu gom rác, phế liệu	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
1989	Nguyễn Thị Thủy Tiên	26/09/1996	163336611	tạm trú 100/15, kp11A	bán hàng rong xôi mặn	KV. Tân Phong	01/04/2020	0	1.000.000		
1990	Lê Thị Ý	25/03/1975	172235148	tạm trú 100/6E, kp11A	thu gom rác, phế liệu	KV. Biên Hòa	01/04/2020	500.000	1.000.000		
1991	Lê Thị Xiêm	10/08/1974	33174002869	171B, kp11A	Bán hàng rong thực phẩm khô	các hẻm, công các công ty, dọc đường Đồng Khởi	01/04/2020	500.000	1.000.000		
1992	Đinh Thị Dung	12/07/1980	272937715	171B, kp11A	thu gom rác, phế liệu	KV. Biên Hòa	01/04/2020	700.000	1.000.000		
1993	Lê Thành Phát	12/07/1978	272639099	148/12/29, kp11A	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	700.000	1.000.000		
1994	Nguyễn Thị Chính	30/06/1966	272388394	tổ 50A, kp11A	thu gom rác, phế liệu	KV. Biên Hòa	01/04/2020	500.000	1.000.000		
1995	Nguyễn Đức Thọ	05/11/1983	272529990	170/20/7, kp11A	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	500.000	1.000.000		
1996	Trương Đình Báu	10/06/1972	272718615	171B, kp11A	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	550.000	1.000.000		
1997	Lê Thị Lập	22/07/1961	171220524	171/20/90, kp11A	Bán hàng rong rau xanh	KV. Công ty Changsin	01/04/2020	500.000	1.000.000		
1998	Trần Văn Sơn	13/04/1974	172255908	148/12/15A, kp11A	Bán hàng rong nữ vải các loại	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
1999	Trần Nhật Thế	05/06/1972	272025482	128/10/22F, kp11A	Bán hàng rong nữ vải các loại	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2000	Nguyễn Thị Mừng	14/09/1969	276036476	277A, kp11A	Bán hàng rong rau củ quả	KV. Đường Đồng Khởi	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2001	Nguyễn Thị Lan	10/09/1971	38171001648	tạm trú 378, kp11A	thu gom rác, phế liệu	KV. Tân Phong	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2002	Hoàng Văn Đoàn	20/10/1986	172934933	tạm trú 365D, kp11A	bán hàng rong rau cầu, bánh lọt	KV. Vĩnh Cửu	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2003	Phạm Văn Lộc	20/06/1965	272943627	197/23A/B11, kp11A	thu gom rác, phế liệu	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2004	Lê Thị Mai	17/10/1980	272536189	100/12, kp11A	Bán hàng rong rau củ quả	Công công ty Changsin Đồng Khởi Vĩnh Cửu	01/04/2020	200.000	1.000.000		
2005	Phạm Thị Tuyết	27/04/1982	272976227	217/21A/20A, kp11A	thu gom rác, phế liệu	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2006	Lê Thị Hoa	16/06/1975		170/20/30, kp11A	thu gom rác, phế liệu	KV. Biên Hòa	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2007	Lê Thị Hòa	16/10/1956	38156001148	tạm trú 6D/1, kp11A	thu gom rác, phế liệu	KV. Biên Hòa	01/04/2020	250.000	1.000.000		
2008	Nguyễn Thị Đào	07/05/1995	174510637	139/100, kp11A	thu gom rác, phế liệu	KV. Biên Hòa	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2009	Lê Thị Xuyên	10/10/1966	174699702	370/H8, kp11A	thu gom rác, phế liệu	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2010	Lê Thị Lợi	06/08/1981	272857381	170/20/37, kp11A	thu gom rác, phế liệu	KV. Tân Phong	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
2011	Hoàng Thị Lập	01/01/1954	276071701	197/23A/6B, kp11A	thu gom rác, phế liệu	KV. Biên Hòa	01/04/2020	900.000	1.000.000		
2012	Lý Thị Thùy	07/02/1978	272871843	197/23/5B, kp11A	Bán hàng rong quần áo, khăn trang	KV công công ty Changsin Thanh Phú	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2013	Lê Thị Thu	20/10/1962	276077423	109/20, kp11A	thu gom rác, phế liệu	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2014	Nguyễn Thị Cày	10/12/1959	272966406	170/20/75, kp11A	Bán hàng rong rau củ quả	KV công công ty Changsin Thanh Phú	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2015	Nguyễn Thị Nguyệt	1962	272845728	tạm trú 100/15, kp11A	Bán hàng rong xôi, sữa đậu nành	KV. Biên Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
2016	Vũ Mạnh Hà	02/09/1972	272598098	170/20/6A, kp11A	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2017	Lê Duy Hành	03/05/1964	276100880	170/20/16B, kp11A	thu gom rác, phế liệu	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2018	Nguyễn Thị Sòa	07/12/1965		102/7A/17, kp11A	thu gom rác, phế liệu	KV. Biên Hòa	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2019	Vũ Văn Trọng	08/10/1981	173785859	197/23A/5L, kp11A	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2020	Nguyễn Thị Tâm	02/06/1971	171533455	170/20/76B, kp11A	thu gom rác, phế liệu	KV. Biên Hòa	01/04/2020	300.000	1.000.000		
2021	Đào Thị Thoa	15/06/1966	272845839	170/20/84A, kp11A	thu gom rác, phế liệu	KV. Biên Hòa	01/04/2020	300.000	1.000.000		
2022	Đặng Văn Thắng	05/07/1968	271452075	128/10/10, kp11A	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV. Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2023	Nguyễn Thị Phương	09/06/1981	171777209	170/20/74, kp11A	thu gom rác, phế liệu	KV, Biên Hòa	01/04/2020	500,000	1.000.000		
2024	Lê Thị Chi	15/5/1962	172941561	170/20/28, kp11A	thu gom rác, phế liệu	KV, Biên Hòa	01/04/2020	500,000	1.000.000		
2025	Lê Thị Huệ	15/01/1960	276009891	170/20/2, kp11A	thu gom rác, phế liệu	KV, Biên Hòa	01/04/2020	1.100.000	1.000.000		
2026	Nguyễn Thị Thông	10/10/1958	170585818	170B/4, kp11A	thu gom rác, phế liệu	KV, Biên Hòa	01/04/2020	500,000	1.000.000		
2027	Vũ Viết Thanh	06/05/1948	37048000480	44A, kp11A	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV, Biên Hòa	01/04/2020	500,000	1.000.000		
2028	Lê Thị Hương	05/07/1986	272993270	170/20/9C, kp11A	thu gom rác, phế liệu	KV, Biên Hòa	01/04/2020	500,000	1.000.000		
2029	Nguyễn Thị Mỹ Linh	16/10/1967	276889667	170/20/76C, kp11A	thu gom rác, phế liệu	KV, Biên Hòa	01/04/2020	300,000	1.000.000		
2030	Võ Văn Hùng	26/07/1981	271434693	tạm trú 361/H8, kp11A	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	KV, Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2031	Nguyễn Văn Minh	08/06/1957	272828415	197/23A/C, kp11A	thu gom rác, phế liệu	KV, Biên Hòa	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2032	Nguyễn Thị Thơ	06/10/1960	272883118	197/23A/C, kp11A	thu gom rác, phế liệu	KV, Biên Hòa	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2033	Lê Thị Loan	01/01/1955	174695628	171C, kp11A	thu gom rác, phế liệu	KV, Biên Hòa	01/04/2020	500,000	1.000.000		
2034	Nguyễn Thị Thủy Phương	24/10/1984	261179664	112C, kp11A	thu gom rác, phế liệu	KV, Biên Hòa	01/04/2020	300,000	1.000.000		
2035	Phạm Văn Phương	08/12/1975	272889398	118/9/36, kp11A	thu gom rác, phế liệu	KV, Biên Hòa	01/04/2020	700,000	1.000.000		

21. PHƯỜNG TRẢNG DÀI

2036	Nguyễn Thị Thanh Thủy	24/5/1905	270949751	1030/34/30- KP1	Phụ bán cà phê	số 27 đường D.Khởi	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2037	Nguyễn Thị Vân	29/5/1905	271990682	230 Tổ 5-KP1	Phụ quán	Quán Trường Thọ KP1 .Tài	01/04/2020	0	1.000.000		
2038	Hà Văn Phòng	1/5/1979	271478823	Tổ 22A Kp 2,	Phụ quán ăn	Dài Lọc, P. Tam Hiệp	01/04/2020	0	1.000.000		
2039	Nguyễn T Bích Hoàn	11/9/1973	272455751	Tổ 6 KP2,	Nhân viên bán caphe	Tổ 11A Kp2 Trảng Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2040	Nguyễn Ngọc Tuyết	4/3/1956	270948592	Tổ 14 KP2,	Phụ quán ăn chả cá	Tổ 15 khu phố 2, P.T.Dài	01/04/2020	0	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhân và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2041	Ngô Thị Luyện	2/3/1973	271547328	Tổ 22A KP2,	Phụ bán quán cơm niêu	Phường Tân Hiệp BH	01/04/2020	0	1.000.000		
2042	Vũ Văn Biên	16/4/1990	272218070	tổ 14 - KP2	Hướng dẫn viên du lịch	Tự do (nhiệm công ty trong đó có CT DL GoVitravel - KP3A T.Dài)	01/04/2020	0	1.000.000		
2043	Trần Thị Tiếp	9/8/1959	270046110	KP2	Phụ quán ăn	tổ 14- KP2 T.Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2044	Phùng Văn Chin	13/10/1975	271539470	tổ 26- KP2	Phụ quán ăn (bún riêu)	tổ 26- KP2T. Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2045	Phùng Hữu Hải	20/12/1970	271380009	tổ 22 - KP2	Phụ quán cà phê	Đường đảng P.Tân Mai	01/04/2020	0	1.000.000		
2046	Nguyễn thị Hồng Oanh	1/1/1975	271594827	KP2	Bán hàng rong trái cây dạo	Trảng dài - Biên Hoà	01/04/2020	0	1.000.000		
2047	Doãn thị Thu	4/7/1970	36170001453	tổ 22 - KP2	Phụ quán ăn (cháo lòng)	tổ 22 - KP2	01/04/2020	0	1.000.000		
2048	Nguyễn thị xuân Phương	19/5/1905	270667356	tổ 25 - KP2	Bán hàng rong (trái cây)	nhà thờ thái an - KP2 T.Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2049	Nguyễn thị thủy Lưu	22/08/1976	272729171	tổ 14- KP2	Bán hàng rong (xôi)	nhà thờ thái an - KP2 T.Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2050	Huỳnh thi Hoa Phương	25/3/1970	270870092	tổ 10- KP2	phụ quán ăn	tổ 10- KP2 T.Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2051	Trương anh Tuấn	28/09/1995	272945371	tổ 22 c - KP2	làm phục vụ quán Karaoke	số 77 đường tương đình P.Tân Mai	01/04/2020	0	1.000.000		
2052	Nguyễn Hồng Thái	1/10/1982	272831251	tổ 11 - KP2	Phụ quán ăn (bún riêu)	tổ 09- KP2T. Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2053	Mai Duy Phương	25/5/1965	270839329	Tổ 32KP2A	PHỤ QU/ÁN	Dương tú giảng	01/04/2020	0	1.000.000		
2054	Ngô Minh Thắng	14/1/2000	272855753	Tổ 01 KP2A	Phục vụ Cà phê	T.A	01/04/2020	0	1.000.000		
2055	Nguyễn Công Tuấn	18/6/2001	272918500	Tổ 17 KP2A	Phục vụ	NH 126	01/04/2020	0	1.000.000		
2056	Trần Huỳnh Thanh Quang	7/1/1993	272268146	Tổ 01 KP2A	Phục vụ	Lầu bỏ ông già kp5 T.Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2057	Ngô Thị Kim Thor	25/4/1993	272267992	Tổ 01 KP 2A	Phục vụ	Quán cơm kp2 T.dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2058	Lê văn Thanh	1949	272944119	Tổ 27 KP2A	bảo vệ	trường anh văn ALPHA CENTER	01/04/2020	0	1.000.000		
2059	Lê Thị Huệ	25/1/1967	171330020	Tổ 1 KP2A (Tạm trú)	Bán hàng rong (B. Giò)	Khu vực Trảng Dài	01/04/2020	100.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhân và ghi rõ họ tên	Chức vụ
2060	Lê Xuân Đại	13/6/1905	272766762	Tổ 42 - KP3	Phụ quán ăn Hải sản văn dức	Tổ 42 KP3	01/04/2020	0	1.000.000		
2061	Hoàng Thị Minh Tâm	5/6/1905	272718680	Tổ 12 - KP3	Bán hàng rong (Rau)	cổng Changsin	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2062	Bùi Thanh Trí	11/6/1905	79089001465	Tổ 32 - KP3 (Tạm trú)	Bán quán sáo rong	Không cố định	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2063	Nguyễn Thị Thanh Vân	20/5/1905	79167001113	Tổ 32 - KP3	Bán quán sáo rong	Không cố định	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2064	Nguyễn Thị Hạnh	11/6/1905	272974281	Tổ 32 - KP3	Phụ bán hàng ăn bún	Linh anh 1348 - KP3 T. Dải	01/04/2020	0	1.000.000		
2065	Ngô Thị Kim Dung	4/6/1905	272438590	Tổ 15 - KP3	Bán hàng ăn vặt	N . Hàng sáo Mai D.Đ. Khới	01/04/2020	0	1.000.000		
2066	Đặng Hoàng Hiệp	23/6/1905	272885443	tổ 16 - KP3	Phụ quán ăn	Quán dè thành phố 212 - KP5 P. Tân Hiệp	01/04/2020		1.000.000		
2067	Trần thế Vinh	4/6/1905	272299039	Tổ 2 - KP3	bán giấy, mũ quần áo dạo	không cố định	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2068	Lê Văn Thanh	15/5/1905	271837838	Tổ 2 - KP3	bán hàng rong cá khô	không cố định	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2069	Nguyễn Thị Thuý Hằng	28/5/1905	271434058	Tổ 3 - KP3	bán bánh cuốn + xôi	dọc đường Đồng khởi	01/04/2020	0	1.000.000		
2070	Phạm Văn Tú	31/5/1905	276006411	Tổ 3 - KP3	bán hàng rong Quán sáo	Khu vực Trảng dài- T. Bom	01/04/2020	0	1.000.000		
2071	Phạm Thị Xiêm	7/6/1905	37185003552	Tổ 3 - KP3	bán hàng rong Quán sáo	Khu vực Trảng dài- T. Bom	01/04/2020	0	1.000.000		
2072	Huỳnh Minh Tâm	25/5/1905	272548381	Tổ 4 - KP3	Xe ôm chở khách	Ngã ba Changsin	01/04/2020	0	1.000.000		
2073	Trần Thị Thuý	26/5/1905	260748884	Tổ 4 - KP3 (Tạm trú)	bán trái cây xe đẩy	các điểm chợ cóc	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2074	Ngô Văn Đô	26/5/1905	38073002876	Tổ 5 - KP3	bán xôi bánh cuốn rong	Trảng dài, tân phong	01/04/2020	0	1.000.000		
2075	Lê Thị Hằng	1/6/1905	182249065	Tổ 5 - KP3	bán hàng rong (xôi)	đường Đồng khởi	01/04/2020	0	1.000.000		
2076	Trần Văn Dể	12/5/1905	272299823	Tổ 5 - KP3	Bán hàng ăn vặt rong	khu vực Bv đa liệu	01/04/2020	0	1.000.000		
2077	Phạm Thị Hồng Nhung	13/6/1905	272311533	Tổ 6 - KP3	Bán quần áo rong	Khu vực Biên Hoà	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2078	Phạm Thị Duyên	4/6/1905	30182002520	tổ 11 - KP3 (Tạm trú)	Bán kẹo dính ruối, chuột	Không cố định	01/04/2020	0	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2079	Phạm Thị Me	19/5/1905	30166001678	tổ 11 - KP3 (Tạm trú)	Bán kẹo dính ruột, chuột	không cố định	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2080	Võ Thị Loan	20/5/1905	272919854	Tổ 6 - KP3	Phụ quán ăn Thành đạt	ông Tài 0393727496 KP3, dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2081	Trần Văn Anh	23/5/1905	31070005417	Tổ 7 - KP3 (Tạm trú)	bán hàng rong (cá hấp)	không cố định	01/04/2020	0	1.000.000		
2082	Trần Thị Hà	31/5/1905	31178004777	Tổ 7 - KP3 (Tạm trú)	bán hàng rong (cá hấp)	Đường Đồng khởi	01/04/2020	0	1.000.000		
2083	Nguyễn Thị Thảo	20/5/1905	272182800	Tổ 11 - KP3	bán xôi dạo	đọc đường Đồng khởi	01/04/2020	100.000	1.000.000		
2084	Phạm Thị Dung	7/6/1905	272039539	Tổ 11 - KP3	bán xôi dạo	khu phố 3 Trảng dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2085	Vũ Kim Đồng	22/5/1905	272601184	Tổ 13 - KP3	lương ve chai	khu vực T. dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2086	Bùi Thị Phương	2/6/1905	272765346	Tổ 14 - KP3	bán quần áo dạo	cổng Chang sin	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2087	Thạch Thị Hương	8/5/1905	272199140	Tổ 18 - KP3 (Tạm trú)	lương ve chai	khu vực T. dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2088	Nguyễn Thị Như rồng	17/5/1905	272976113	Tổ 18 - KP3	lương ve chai	khu vực T. dài	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2089	Phan Thị Luyết	21/5/1905	145421183	Tổ 21 - KP3 (Tạm trú)	Bán cóc xôi rong	cổng Changsin, V. cũn	01/04/2020	0	1.000.000		
2090	Lê Thị Thủy Hằng	7/6/1905	221114670	Tổ 31 - KP3 (Tạm trú)	bán quần áo rong	Biên hòa, bình dương	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2091	Phạm Đình Nam	30/5/1905	163028966	Tổ 32 - KP3 (Tạm trú)	Xe ôm chở khách	Khu vực Trảng Dài -BH	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2092	Nguyễn Thị Nhu	17/5/1905	272105326	Tổ 32 - KP3 (Tạm trú)	lương ve chai	Khu vực Trảng Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2093	Huỳnh Hoài Tâm	9/6/1905	272767324	Tổ 32 - KP3 (Tạm trú)	Xe ôm chở khách	Khu vực Trảng Dài -BH	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2094	Ngô Thị Tuyết Mỹ	5/6/1905	311806118	Tổ 32 - KP3 (Tạm trú)	Bán quần áo dạo	Khu vực Trảng Dài	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2095	Lê Thị Ngọc	30/8/1994	272680776	TỔ 5 KP3A	Phụ quán phở	P.16 Q.gò vấp HCM	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2096	Trần Anh Tuấn	2/6/1995	184158697	TỔ 5 KP3A	Phụ quán giải khát	Cầu mới p Hòa bình	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
2097	Nguyễn Thị Kim Yến	12/11/1971	271072451	TỔ 8 KP3A	Bán bún xe đẩy	địa chỉ 153-bùi trọng nghĩa	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Chức vụ
2098	Nguyễn Thị Lôi	1/1/1971	272150850	TỔ 8 KP3A	Phụ quán bán	địa chỉ 153- bưu trạm nghĩa	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2099	Nguyễn Thị Minh	1960	271634048	TỔ 8 KP3A	Phụ quán cơm tân thuận p tân hiệp	Phụ quán cơm p tân hiệp	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
2100	Hồ Thị Hồng	30/6/1973	272749497	TỔ 15 KP3A	Bán hàng rong B. Mĩ và xoi	tổ 15 kp3a T. Dài	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2101	Nguyễn Thị Tim	1/1/1972	272989431	TỔ 24 KP3A	phụ quán cơm	phố an kp4	01/04/2020	1.100.000	1.000.000		
2102	Vân Thị Mỹ Linh	25/1/1981	272610077	TỔ 24 KP3A	phụ quán ăn	quán tư cang	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2103	Nguyễn Văn Cư	14/9/1991	215323195	TỔ 24 KP3A	phụ quán ăn	Quán tư cang T. dài	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2104	Âu Thị Văn Kiều	13/1/1986	271782388	TỔ 26 KP3A	Bán cơm chiên xe đẩy	công cty chang sin	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2105	Lê Thị Thanh Nhung	1/4/1986	331510859	TỔ 9 KP3A	phục vụ quán ăn	P. thống nhất	01/04/2020	0	1.000.000		
2106	Huỳnh thị Bích Hằng	3/2/1977	24630689	tổ 7 - KP3 A	bán rong (B. Chung)	Biển Hòa - Dnai	01/04/2020	0	1.000.000		
2107	Tổng thị Giếng	20/7/1975	38175004915	tổ 12 - KP3A	nhặt ve chai	khu vực T. dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2108	Nguyễn Thị Toan	1975	36175001901	tổ 27 - KP3A	bán hàng rong (Xoi)	khu vực T. dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2109	Nguyễn ngọc kim Chi	30/01/2001	272843757	tổ 6 - KP3A	Phụ quán cà phê	P. Tân Hiệp	01/04/2020	0	1.000.000		
2110	Hoàng Văn Dân	5/5/1985	172269675	tổ 2 KP3A	nhặt ve chai	khu vực T. dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2111	Tổng thị Vân	10/3/1975	38175006854	tổ 12 - KP3A	lượm ve chai	khu vực T. dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2112	Lê Vũ Hồng Hạnh	19/01/2001	272739100	tổ 8 - KP3A	bán hàng rong xe đẩy (B. mĩ)	khu vực T. dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2113	Nguyễn Thị Học	10/10/1971	211937845	tổ 8 - KP3A	lượm ve chai	khu vực T. dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2114	Đỗ Thị Ngã	20/11/1973	272738028	tổ 24 - KP4	gom ve chai	Tiăng Dài	01/04/2020	300.000	1.000.000		
2115	Hoàng Liên Sơn	20/4/1964	272358399	tổ 28 - KP4	Xe ôm chở khách	khu vực tiăng dài	01/04/2020	300.000	1.000.000		
2116	Nguyễn Thị Hồng	29/9/1950	270703897	tổ 16 - KP4	gom ve chai	khu vực Tiăng Dài	01/04/2020	500.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2117	Phan Thị Luận	10/10/1972	271783331	tổ 27 - KP4	Bán hàng rong (B. Trảng)	Trảng Dài	01/04/2020	500,000	1.000.000		
2118	Bùi Văn Thắng	9/10/1980	272645064	tổ 12 - KP4	xe ôm chở khách	T. Dài - B. Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
2119	Lê Thị Hoa	20/1/1979	171678353	tổ 5 - KP4	bán hàng rong (B. mi)	ngã 4 DH Núi trảng dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2120	Chu Thị Hồng	1/8/1986	272779938	tổ 5 - KP4	bán nước ngọt	cổng trường Nguyễn Khuyến	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2121	Lý Quốc Hùng	6/9/1969	270360170	Tổ 5 - KP4 (Tạm trú)	xe ôm chở khách	0 cố định	01/04/2020	500,000	1.000.000		
2122	Hàn Ngọc Nguyễn	2/1/1986	38086018924	Tổ 11 - KP4 (Tạm trú)	bán hàng rong (rau)	Khu vực Trảng dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2123	Trương Thị Can	18/7/1953	272239687	tổ 12- KP4	bán hàng rong (xói)	khu vực trảng dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2124	Lê Đình Giang	1/8/1985	272358857	tổ 6 - KP4	bán xói xe đẩy	trảng dài	01/04/2020	400,000	1.000.000		
2125	Đỗ Huy Chon	19/7/1982	276100780	tổ 6 - KP4	xe ôm chở khách	trảng dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2126	Bùi Thị Hòa	7/4/1982	271635857	tổ 6 - KP4	nhặt ve chai	trảng dài	01/04/2020	400,000	1.000.000		
2127	Nguyễn thị Hương	14/2/1980	27286050	tổ 07 - KP4	nhặt rác	Trảng Dài	01/04/2020	500,000	1.000.000		
2128	Mai quang Huân	5/10/1979	272122686	- KP4	xe ôm chở khách	trảng dài - Biện Hòa	01/04/2020	400,000	1.000.000		
2129	Hà Thị Hoàn	3/2/1962	272943873	tổ 5 - KP4	gom rác	Trảng Dài	01/04/2020	200.000	1.000.000		
2130	Tạ thu Hương	1/6/1996	13492638	Tổ 6 - KP4 (Tạm trú)	bán hàng rong xói	Ngã 4 Nguyễn Khuyến	01/04/2020		1.000.000		
2131	Hoàng thị Thiệu	5/4/1989	272679878	tổ 11 - KP4	bán hàng rong (rau củ quả)	BIỆN HÒA-ĐÔNG NAI	01/04/2020	500,000	1.000.000		
2132	Nguyễn Thị Diệu	18/5/1905	272677102	tổ 28- KP4	lượm ve chai	Khu vực trảng dài	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
2133	Đoàn Quốc Quang	13/2/1982	186035070	tổ 1 - KP4	chạy xe ôm chở khách	trảng dài - Biện Hòa	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2134	Trần Minh Hiếu	25/1/1983	271482369	tổ 11 - KP4	bán hàng rong (xói)	Khu vực trảng dài	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2135	Trần Thị Nhung	29/7/1984	276079935	tổ 5 - KP4	bán xói dạo	cổng trường HHG T. Dài	01/04/2020	0	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhân và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2136	Trần Thị Mây	6/5/1905	150201911	tổ 6- KP4	bán xôi dạo	cổng trường sa T. Dài	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2137	Lâm Văn Tùng	8/4/1983	272966083	tổ 4	gom rác	Trảng Dài	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2138	Trịnh văn Thăng	21/6/1967	272459811	tổ 9 - KP4	chạy xe ôm chở khách	khu vực trảng dài	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2139	Lê Mạnh Hà	4/2/1983	272716354	tổ 28 - KP4	tổ 23- KP4	tổ 23- KP4	01/04/2020	0	1.000.000		
2140	Hàng thi phương Thủy	16/6/1982	272649981	KP4	bán hàng rong (chè)	cổng trường học trường sa	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2141	Nguyễn Thị Quỳnh	7/1/1976	272945124	tổ 23 - KP4	gom rác	khu vực trảng dài	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2142	Nguyễn Hồng Phước	24/04/1955	270694673	tổ 23 - KP4	chạy xe ôm chở khách	B. Hòa - D Nại	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2143	Hàng thi Hiền	29/8/1995	272417739	tổ 28 - KP4	Bán xôi lưu động	khu vực trảng dài	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2144	Nguyễn Văn Quân	1/5/1959	272419503	KP4	chạy xe ôm chở khách	trảng dài - Biên Hòa	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2145	Đỗ viết Quảng	10/10/1968	272376987	tổ 24 - KP4	chạy xe ôm chở khách	trảng dài - Biên Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
2146	Lê Thị Dung	10/9/1962	183845532	tổ 23 - KP4	Bán hàng rong (B. cuốn)	chợ sải	01/04/2020	200.000	1.000.000		
2147	Nguyễn Thị Soi	1963	125764086	tổ 23 - KP4	Bán hàng rong (cả viên chiên)	Ngã 4 Nguyễn Khuyển	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2148	Nguyễn Đỗ Tiến	7/7/1966	125171475	tổ 23 - KP4	Bán hàng rong (cả viên chiên)	giáo xứ thái an - KP2 T. Dài	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2149	Nguyễn Đăng Thành	7/1/1973	272687413	tổ 23 - KP4	nhặt ve chai	trảng dài	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2150	Đỗ thi Hiệp	3/8/1987	172965430	tổ 6 - KP4	nhặt ve chai dạo	trảng dài	01/04/2020	600.000	1.000.000		
2151	Nguyễn thị mai Lam	17/8/1988	272143614	tổ 7- KP4	Bán hàng rong (B. mỳ)	trảng dài	01/04/2020	700.000	1.000.000		
2152	Hoàng văn Nguyễn	11/5/1973	171674425	tổ 4 - KP4	chạy xe ôm chở khách	trảng dài - Biên Hòa	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2153	Tạ thị Hân	15/7/1964	270906201	tổ 22- KP4	gom rác phế liệu dạo	trảng dài	01/04/2020	400.000	1.000.000		
2154	Nguyễn Thị Hoa	20/8/1963	31849563	tổ 13 - KP4	gom rác phế liệu dạo	trảng dài	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhân và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2155	Trần Thị Hằng	28/5/1984	272956047	tổ 12 - KP4	bán hàng rong (xôi)	khv vực trảng dài	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2156	Dương quang Đồ	10/10/1976	272768769	tổ 12 - KP4	chạy xe ôm chở khách	trảng dài - Biên Hòa	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2157	Đinh thị Mai	25/8/1962	160746561	tổ 6 - KP4	nhặt rác	khv vực trảng dài	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2158	Lê Thị Vân	15/6/1980	272969360	tổ 8- KP4	bán hàng rong (rau củ quả)	trảng dài - Biên Hòa	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2159	Nguyễn Thị Sinh	2/1/1986	38186010836	tổ 6 - KP4	gom ve chai dạo	trảng dài	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2160	Nguyễn Ngọc San	2/2/1997	1097000681	tổ 6 - KP4	Bán hàng rong (cả viên chiên)	Ngã 4 Nguyễn Khuyển	01/04/2020	600.000	1.000.000		
2161	Vũ Thị An	7/10/1957	272681774	tổ 36- KP4B	Bán ăn sáng(bắp luộc)	3 ngã quang thẳngT. dài	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2162	NGUYỄN ĐỨC THUÔNG	26/5/1905	271000878	TÒ 53- KP4C	BÁN TRÁI CÂY ĐÀO XE DÂY	P. TRẢNG DÀI	01/04/2020	0	1.000.000		
2163	LÊ THỊ LUYỀN	3/6/1905	038181003272	TÒ 50- KP4C	BÁN HÀNG RONG XÔI	P. TRẢNG DÀI	01/04/2020	0	1.000.000		
2164	NGUYỄN MẠNH HUY	15/5/1905	272349136	TÒ 4 - KP4C	BÁN TRÁI CÂY ĐÀO	P. TRẢNG DÀI	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2165	BÙI VĂN TRUÔNG	20/5/1905	272298099	tổ 5 - KP4C	XE BÀ GẮC	BIÊN HÒA-ĐÔNG NAI	01/04/2020	0	1.000.000		
2166	TRINH THỊ LAN	25/5/1905	272568499	tổ 5 - KP4C	BÁN HÀNG RONG RAU CÚ QUẢ	BIÊN HÒA-ĐÔNG NAI	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2167	NGUYỄN THỊ LIÊN	30/4/1905	270090229	tổ 5 - KP4C	GOM VE CHAI ĐÀO	P. TRẢNG DÀI -BH-ĐN	01/04/2020	0	1.000.000		
2168	NGUYỄN ĐĂNG TĂNG	26/5/1905	173600169	tổ 5 - KP4C	XE BÀ GẮC	BIÊN HÒA-ĐÔNG NAI	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2169	NGUYỄN KIM KHÔI	21/5/1905	272926100	tổ 31 - KP4C	BÁN HÀNG RONG B. KHÔT	P. TRẢNG DÀI -BH-ĐN	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
2170	LÊ NGUYỄN VỸ	8/6/1905	276049631	tổ 3- KP4C	XE ÔMCHỖ KHÁCH	CÔNG VIÊN 30-4	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
2171	LƯƠNG VĂN VY	18/5/1905	272610041	tổ 12- KP4C	XE ÔM CHỖ KHÁCH	BIÊN HÒA-ĐÔNG NAI	01/04/2020	0	1.000.000		
2172	VŨ HÙNG PHUÔNG	13/5/1905	270569762	tổ 12- KP4C	XE ÔM CHỖ KHÁCH	BIÊN HÒA-ĐÔNG NAI	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2173	NGUYỄN MINH ĐỨC	15/6/1905	272433131	tổ 12- KP4C	XE ÔMCHỖ KHÁCH	BIÊN HÒA-ĐÔNG NAI	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2174	PHAN THỊ LƯU	23/5/1905	130986078	tổ 12 - KP4C	BÀN HÀNG RONG B BỚT LỘC	BIÊN HÒA-ĐÔNG NAI	01/04/2020	0	1.000.000		
2175	NGUYỄN VĂN DIN	8/6/1905	272992554	tổ 49- KP4C	XE ÔMCHỖ KHÁCH	ĐÔNG NAI, NGÀY THÁNG 06 NĂM	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2176	VÕ THỊ SÁU	17/5/1905	211052281	tổ 11 - KP4C	BÀN HÀNG RONG XÔI	CÔNG C.TY GIẤY BÍTÍT	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2177	NGUYỄN THỊ HUONG LAN	3/6/1905	272857590	tổ 11 - KP4C	BÀN HÀNG RONG B. CHUNG	GẦN CHỢ QUANG THANG	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2178	TRẦN DINH HỒNG	29/5/1905	272974428	tổ 11 - KP4C	BÀN HÀNG RONG RAU CÚ QUẢ	GẦN CHỢ KP4	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2179	LÊ VĂN CHIẾN	17/5/1905	272939234	tổ 6 - KP.C	GOM VE CHAI ĐẠO	P. TRẢNG DÀI	01/04/2020	0	1.000.000		
2180	CHU THỊ NHÂM	1/6/1905	272871494	tổ 23 - kp4C	BÀN HÀNG RONG (XÔI)	KHÔNG CÓ ĐỊNH	01/04/2020	300.000	1.000.000		
2181	HÀ XUÂN TÙNG	5/6/1905	272500901	TÒ 12- kp4c	BÀN HÀNG RONGTRAI CÂY ĐẠO	KHÔNG CÓ ĐỊNH	01/04/2020	0	1.000.000		
2182	VŨ VĂN THÀNH	27/5/1905	186907550	TÒ 19 kp4c	XE ÔM CHỖ KHÁCH	KHU VỰC AMATA B.HÒA	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2183	NGUYỄN VĂN HOÀN	2/6/1905	272689379	TÒ 25- kp4c	LÁI XE 2 BÀNH CHỖ KHÁCH	KHÔNG CÓ ĐỊNH	01/04/2020	0	1.000.000		
2184	HOÀNG THỊ THUYỀN	16/5/1905	272561166	TÒ 54 - kp4c	GOM VE CHAI	P. TRẢNG DÀI	01/04/2020	0	1.000.000		
2185	NGUYỄN VĂN PHAN	26/5/1905	272276884	TÒ 48- kp4c	XE ÔM CHỖ KHÁCH	TP.BIÊN HÒA	01/04/2020	1.400.000	1.000.000		
2186	TRẦN VĂN HIỆP	14/6/1905	272379943	TÒ 49 - kp4c	XE ÔM CHỖ KHÁCH	BIÊN HÒA	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
2187	Phạm Thị Mỹ lệ	11/12/1971	270921175	tổ 53 - KP4C	bán hàng rong (bù tiêu gỗ)	P. TRẢNG DÀI	01/04/2020	0	1.000.000		
2188	Nguyễn thị chính	4/6/1969	174900189	tổ 53 - KP4C	bán hàng rong (bánh mì)	P. TRẢNG DÀI	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2189	Đặng thị anh Thu	11/2/1988	276012187	tổ 49 KP4C	bán hàng rong (xôi)	P. TRẢNG DÀI	01/04/2020	0	1.000.000		
2190	Lê Minh Hiếu	25/5/1993	174782304	tổ 49 KP4C	bán hàng rong (bánh mì)	P. TRẢNG DÀI	01/04/2020		1.000.000		
2191	Phan thị Cậy	12/5/1905	272855591	tổ 4 - KP4C	Phụ quản lâu bà Minh Vỹ	KP4C .T. dài.	01/04/2020		1.000.000		
2192	Vũ Thị Huyền	8/6/1905	272600177	tổ 40 - KP4C	phụ bán quán phở	phở Hạnh - T. Dài	01/04/2020		1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Kỳ nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2193	Lê Văn Quang	10/6/2000	272740628	tổ 3 - KP4C	Phụ quán cà phê 123	Ngã 4 Nguyễn Khuyến	01/04/2020		1.000.000		
2194	Vũ thị Nhung	14/9/1990	173387900	tổ 40 - KP4C	phụ quán ăn	sân banh Tân hiệp - Biên Hoà	01/04/2020		1.000.000		
2195	Lý Thị Thân	6/6/1905	271980765	tổ 32 - KP5	bán hàng xe đẩy (trứng luộc)	KP5 - Trảng dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2196	Nguyễn Thị Xuân Dung	23/7/1978	272122799	tổ 22 - KP5	bán hàng rong xe đẩy (rau củ quả)	KP5- Trảng dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2197	Đặng Thị Hằng	8/5/1953	200300509	tổ 7 - KP5	bán thức ăn vặt học sinh	cổng trường tiểu học Trảng dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2198	Nguyễn Thị Tuyết	9/9/1957	272279624	tổ 10 - KP5	Bán hàng rong xe đẩy (rau củ quả)	KP5 - Trảng dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2199	Đoàn thị yến	5/10/1968	152116262	tổ 17-Kp5	Bán rau vỉa hè	Ngã tư phù thọ T.Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2200	Ngô Văn Vương	1/7/1960	271849223		Bán đồ chơi trẻ em dạo	Trường học .T.Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2201	Nguyễn Văn Dũng	5/8/1982	172127179	tổ 33-KP5	Bán bánh mỳ học sinh	Cổng trường DHCNDN KP5	01/04/2020	0	1.000.000		
2202	Nguyễn Hoàng Nguyễn Vũ	11/4/1980	271488608	tổ 4 - KP5	xe ôm chở khách	Trảng Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2203	Trần Thị Thoi	8/4/1973	272101070	tổ 5 -KP5	bán nước dặt nhảnh vỉa hè	Kp5 T.Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2204	Nguyễn thị thanh Hiền	4/2/1971	272151830	tổ 7 - KP5	Bán hàng ăn vặt học sinh	Cổng trường Hà huy giáp	01/04/2020	0	1.000.000		
2205	Đặng thị xuân Anh	15/4/1975	271224102	tổ 30- KP5	bán bánh mỳ xe đẩy	KP5 -T.Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2206	Đỗ thị mai Oanh	20/10/1959	270112970	tổ 8 - KP5	Bán hàng rong (cá viên chiên)	KP5- Trảng dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2207	Ngô Văn Dũng	2/8/1990	177838543	tổ 16- KP5	Bán hàng rong (trái cây dáo)	KP5- Trảng dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2208	Hồ thị Tuyết	17/7/1977	271461608	tổ 6 - KP5	Bán hàng rong (Rau củ quả)	KP5- Trảng dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2209	Vũ Hữu Bồi	09/09/1962	250627288	tổ 12-5A	bán hàng rong (thủ tiếu giò)	chợ ngã 4 N.Khuyến	01/04/2020	0	1.000.000		
2210	Trình Thị Lợi	23/8/1988	272959964	tổ 17- 5A	Bán hàng rong (B.cam -B giò)	Khu vực T.Dài	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2211	Trương thị Tuyết	10/7/1976	272680501	tổ 23-5A	bán bánh giò lưu động	Khu vực T.Dài	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Chức vụ
2212	Đặng thị Hương	10/10/1972	276041897	tổ 8- 5A	Bán hàng rong (B. Bò)	KP2 P.T.Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2213	Vũ thị Chiến	27/5/1905	272683560	tổ 16- 5A	Bán hàng rong (bột dót)	T. Cấp II T. dài	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2214	Nguyễn Thị Kim Chi	7/4/1979	271344701	tổ 25- 5A	gom rác phế liệu	T. dài	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2215	Trần bạch Long	27/3/1994	272319532	tổ 4-5A	phụ quán cà phê	arobi 130 Nguyễn Ái Quốc	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2216	Nguyễn Thị Hoàn	20/10/1991	272884453	tổ 16-KP5A	Bán hàng rong (băm lỗ túi,kiếng mắt)	Khu vực Trảng dài.	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2217	Đông Thị Khoảnh	06/06/1957	272749339	tổ 16-KP5A	Bán xôi	Công trường Nguyễn Khuyến KP5	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2218	Đông Văn Minh	21/2/1961	272584139	Tổ 18 -KP5A	chạy xe ôm lưu động	T. Dài Biên Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
2219	Đậu Bình	6/6/1979	181924228	tổ 19- KP5A	gom ve chai	Khu vực T. Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2220	Nguyễn Thị Chiêu	1/1/1956	276071022	tổ 10 - KP5A	Bán hàng rong (hột vôi lớn)	Khu vực T. Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2221	Nguyễn Thị Tinh	3/7/1977	172083031	tổ 20 - KP5A	lượm ve chai	Khu vực T. Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2222	Trần Thuận Tài	14/12/1973	272357396	tổ 25 - KP5A	chạy xe ôm lưu động	Biên Hòa - D.Nai	01/04/2020	0	1.000.000		
2223	Bùi Thị Thảo	13/9/1984	35184004889	tổ 23 -KP5A	Bán hàng rong (móc khố, băm lỗ tai	Khu vực T. Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2224	Đòn thị Hoàn	13/6/1960	180521227	tổ 15 - KP5A	gom lượm ve chai	Khu vực T. Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2225	Vũ Thanh Huyền	24/8/1985	31185004431	tổ 13 - KP5A	bán hàng rong (chuỗi chiên)	Khu vực T. Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2226	Huỳnh thị phương Trang	25/3/1973	271255036	tổ 10 - KP5A	Phụ quán bán bánh mì	Helen P.tân Phong	01/04/2020	0	1.000.000		
2227	Nguyễn Ngọc Anh	25/9/1982	271477081	tổ 12 - Kp5A	bán hàng rong (bù tiêu gò)	Khu vực T. Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2228	Dương Thị Tuyết	25/3/1987	272897795	tổ 24- KP5A	bán hàng rong (B Cam)	Khu vực T. Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2229	Hà nguyên Phương Thành	7/9/1981	272917171	tổ 12- KP5A	bán hàng rong) Túi cắt đôi , xỏai)	Khu vực T. Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2230	Nguyễn Thị Ái	21/10/1965	171115635	Tổ 25- KP5A	gom lượm ve chai	Khu vực T. Dài	01/04/2020	0	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2231	Trần Thanh Phong	5/2/1977	276008284	tổ 25 - KP5A	Bán hàng rong B. Chung (xe hon da)	Khu vực T. Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2232	Phạm Văn Quảng	1/4/1984	250586671	tổ 12 KP5A	bán hàng rong (hủ tiếu gò)	Khu vực T. Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2233	Trần Thị Huyền	27/12/1974	271067730	tổ 11 - KP5A	Bán hàng rong (B. cam)	Công trường Nguyễn thái Học T. Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2234	Lương quốc Minh	20/5/1970	272446384	tổ 14 - KP5A	Bán hàng rong xe lôi (vòng ,sáo ,rúc)	Khu vực T. Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2235	Hoàng Văn Hòa	3/5/1967	270825170	tổ 19- KP5A	chạy xe ôm chở khách	Khu vực T. Dài - B. Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
2236	Hoàng thi Hòe	02/1954	272507404	tổ 01 - KP5A	bán hàng rong (B. Giò)	Khu vực T. Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2237	Nguyễn Mạnh Thắng	29/11/2000	51078165	tổ 20- KP5A	chạy xe ôm chở khách	Khu vực T. Dài - B. Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
2238	Nguyễn văn Tân	1961	270483738	tổ 9 - KP5A	chạy xe ôm chở khách	Cầu sân mẫu - KP5 T. Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2239	Trịnh Thị Hà		272561441	D5 Tổ 6- KP1	Phục vụ nhà hàng	nhà hàng 126	01/04/2020	0	1.000.000		
2240	Trịnh Thị Yên		271546049	Tổ 10-KP1	phục vụ quán ăn	kp1.T. dài	01/04/2020	1.900.000	1.000.000		
2241	Phạm Thị Nhất		272298405	Tổ 1 - KP1	gom ve chai dạo	Tràng Dài	01/04/2020	1.900.000	1.000.000		
2242	Đào Thị Tuyết		271098115	53/2A Tổ 15-KP1	Phụ quán	Quán Trường Thọ	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2243	Lê Thị Thoa		272895408	7/2 Tổ 11-KP1	bán hàng rong (nước mía)	Vta hù KP1.T. Dài	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2244	Hà Anh Đào		271511081	7F Tổ 13- KP1	B.vệ quán ăn	Dê núi 27/5 KP4 P. Hồ nai	01/04/2020	1.900.000	1.000.000		
2245	Nguyễn Thị Chức	4/1/1965	211130029	KP2 (tạm trú)	Bán hàng rong (Xôi)	Khu vực KP1 T. Dài	01/04/2020	500,000	1.000.000		
2246	Hà Thị Thu	11/6/1995	215465588	KP2 (tạm trú)	Bán trái cây dạo	Địa chỉ 0 cổ đình	01/04/2020	500,000	1.000.000		
2247	Phan Văn Dợt	1/1/1963	272144769	Tổ 19 KP2,	Chạy xe 3 bánh vận chuyển hàng hóa	Khu phố 2 Tràng Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2248	Quách Thị Nờ	1/1/1954	270502589	Tổ 22 KP2,	Phụ quán ăn N. Hàng Hải long	9/2/42 KP11, P. Tân Phong	01/04/2020	0	1.000.000		
2249	Lê Văn Dục	18/3/1960	27237439	572B/11 KP2,	Chạy xe 3 bánh vận chuyển hàng hóa	Biển Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2250	Phạm Thị Đậu	10/3/1980	272376131	Tổ 12 KP2.	Phụ quán phở	Quán phở 279, KP3 T. Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2251	Võ Ngọc Thành	4/4/1983	272579555	Tổ 18 KP2.	Chạy xe 3 bánh vận chuyển hàng hóa	Phường Trảng Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2252	Nguyễn Thị Tuyết	16/10/1964	272568421	Tổ 22 KP 2.	Phụ quán phở Dê Nhất	Tổ 8 KP 2A, P Trảng Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2253	Phùng Quốc Vỹ	17/2/1956	271012893	Tổ 22D, KP2	Lái xe 2 bánh chở khách	Khu phố 1, P Trảng Dài	01/04/2020	800.000	1.000.000		
2254	Trần Thị Toan	20/12/2020	172239969	Tổ 11 KP2 (tạm trú)	Bán hàng rong (B. cam)	D Bui T. Nghĩa TD	01/04/2020	0	1.000.000		
2255	Đặng Thị Lành	7/2/1974	17194829	Tổ 22C KP2.	Bán hàng rong xôi giò	khu vực Trảng dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2256	Lê Trọng Nghĩa	13/5/1905	38060002494	Tổ 34KP2A (tạm trú)	Chạy xe ôm	địa điểm E 26	01/04/2020	0	1.000.000		
2257	Ngô Thị Nhung	3/2/1963	272362618	Tổ 27 KP2A	Bán hàng rong củ quả	Quanh khu phố	01/04/2020	0	1.000.000		
2258	Trần Văn Khánh	18/2/1967	272783760	Tổ 23KP2A	Chạy xe ôm	khu vực Biên hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
2259	Nguyễn Thị Luyến	24/11/1967	2772899854	Tổ 17A KP2A	phụ quán phở Hà nội	KP3 .Trảng Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2260	Lê Thanh Việt	14/11/1984	271826436	Tổ 07 KP2A	Chạy Ba gác máy	khu vực hồ bơi P. Nam KP2 T. dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2261	Lương Thị Hằng	12/12/1980	36180003657	Tổ 11 KP2A (tạm trú)	nhặt ve chai	khu vực Trảng dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2262	Nguyễn Thị Sinh	20/7/1980	162896355	Tổ 31 KP2A (tạm trú)	nhặt ve chai dạo	khu vực Trảng dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2263	Nguyễn Thị Thanh Thủy	8/11/1973	272376378	tổ 16- KP3	Bán hàng rong (T. cây)	khu vực Trảng Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2264	Bùi Thanh Ninh	18/9/1963	20923435	tổ 32- KP3 (tạm trú)	chạy xe ôm	0 cố định	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2265	Phạm Thị Lý	10/9/1976	271566755	Tổ 30, KP3	gom ve chai dạo	khu vực Trảng Dài	01/04/2020	1.900.000	1.000.000		
2266	Lê Thị Hiệp	6/2/1974	27262312	tổ 14- KP3	gom Ve chai	khu vực Trảng Dài	01/04/2020	1.900.000	1.000.000		
2267	Nguyễn thị Ngọc Ái	1/5/1984	272799354	tổ 42- KP3	Bán mì gối (xe đẩy)	KP3. Trảng Dài	01/04/2020	1.900.000	1.000.000		
2268	Trần Thị Ngọc Bích	14/6/1991	272072660	TỔ 4 KP3A	phụ quán ăn	tổ 4 kp3a T. dài	01/04/2020	800.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (DVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (DVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Chức vụ
2269	Nguyễn Thị Sen	5/7/1984	272883581	TÒ 6 KP3A	mua bán gạo	Khu vực biên hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
2270	Lê Thị Minh Hiếu	31/5/1905	271325492	TÒ 9 KP3A	gom phế liệu đạo	tổ 9 .KP3 .T.dài	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2271	Lê Thị Hồng	4/8/1984	172317756	TÒ 11 KP3A	gom rác ve chai	KP3 .T.dài	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2272	Lại Đức Duy	26/3/1977	271263807	TÒ 12 KP3A	nhặt rác, phế liệu	KP3 .T.dài	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2273	Trịnh Kim Phát	15/1/1955	270103195	TÒ 17 KP3A	Bán hàng B.mì(xe đẩy)	công trường TH.T.Dài	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2274	Đinh Thị Phương	25/12/1978	272875867	TÒ 17 KP3A	Bán hàng rong B.chưng	khu vực T.DÀI	01/04/2020	800.000	1.000.000		
2275	Nguyễn Thị Tuyết Sương	30/5/1980	271384897	TÒ 30 KP3A	Bán trái cây dạo	ngã 3 Q.thăng T.Dài	01/04/2020	1.800.000	1.000.000		
2276	Nguyễn Thị Lan Đào	10/04/1963	270141852	TÒ 30 KP3A	phụ quán cơm	Quán cơm 567 p.Tràng Dài	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2277	Nguyễn Hữu Lâm	4/8/1981	271450312	TÒ 30 KP3A	Xe ba gác	khu vực Biên hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
2278	Nguyễn Trọng Tường	8/12/1973	272598524	TÒ 32 KP3A	phụ quán ăn	vườn xoài kp2.T.Dài	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
2279	Bùi Thị Lê Thủy	19/5/1969	270871630	TÒ 8 KP3A (tam trú)	bán xôi vỉa hè	ngã 3 trườngTH.Tràng Dài	01/04/2020	800.000	1.000.000		
2280	Đinh Văn Trường	16/6/1981	34081001374	TÒ 1 (tam trú)	bán hàng rong (than)	chợ tràng dài,đường 5	01/04/2020	800.000	1.000.000		
2281	Nguyễn Thị Hồng	19/4/1981	271622528	TÒ 27 KP3A (tam trú)	phụ quán ăn	tổ 16 kp 4 tràng dài	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2282	Nguyễn Văn Duẩn	7/9/1989	173061700	tổ 16- KP4	chạy xe ôm	biên hòa đồng nai	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2283	Nguyễn Thị Hồng	29/9/1950	270703897	tổ 16- KP4	bán hàng rong (xôi)	khu vực T.dài- Biên Hòa	01/04/2020	300.000	1.000.000		
2284	Phạm Văn Hợp	7/11/1976	271242440	tổ 16- KP4	bán hàng rong	địa chỉ 0 cổ định	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2285	Đặng Thị Hồng Trang	16/6/1989	272866442	tổ 22- KP4	nhặt ve chai	khu vực Tràng dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2286	Phạm Thị Thanh Hương	16/10/1982	271454499	tổ 22- KP4	bán hàng rong xe đẩy rau củ quả	khu vực Tràng dài	01/04/2020	300.000	1.000.000		
2287	Nguyễn Đức Vương	25/9/1985	272897231	tổ 22- KP4	xe ôm chở khách	biên hòa đồng nai	01/04/2020	0	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhân và ghi rõ họ tên	Chữ chú
2288	Vũ Thị Dung	24/5/1905	272760024	tổ 22- KP4	bán hàng rong rau củ quả	Trảng Dài	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2289	Nguyễn Thị Vân	14/7/1982	172385422	tổ 4- KP4	gom nhĩa phế liệu	kp4 T. Dài	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2290	Đặng Thị Tinh	1/11/1970	272748402	tổ 02- KP4	Nhặt phế liệu	Trảng Dài	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2291	Bùi Thị Tầm	20/8/1973	271732302	tổ 6- KP4	bán hàng rong rau củ quả	tổ 6 KP4 .trảng dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2292	Nguyễn Thị Yến Trinh	20/3/1988	271961711	tổ 6- KP4	bán hàng rong B cuốn	khu vực Trảng dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2293	Nguyễn Thị Kim Ánh	28/12/1978	272388803	tổ 08- KP4	bán hàng rong xôi bắp	khu vực Trảng dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2294	Vũ Đình Quân	4/3/1990	272207235	tổ 10- KP4	bán hàng rong	khu vực Trảng dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2295	Phạm Thị Lê Thu	19/11/1989	272559243	tổ 06- KP 4A	Bán hàng rong trái cây	lê đường 4a T. dài	01/04/2020	1.900.000	1.000.000		
2296	Nhan Thị Tuyết Nhung	4/11/1981	271535374	tổ 06- 4A	phụ quán bún riêu	Cô liên 4A.T. Dài	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2297	Vũ đình Toàn	16/2/1960	270143620	tổ 42- 4B	chạy xe ôm	Khu vực .T. Dài	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
2298	Trần thi Ngát	25/04/1960	168402930	tổ 21- 4B	bán hàng rong	Khu vực .T. Dài	01/04/2020	700.000	1.000.000		
2299	Mạc thị Tầm	15/5/1971	272716485	tổ 42- 4B	bán hàng rong B cuốn	khu vực Trảng dài	01/04/2020	400.000	1.000.000		
2300	Trần Khắc Vũ	13/8/1964	272279207	tổ 44 - 4B	chạy xe ôm	bến chò trường cấp 2 T. dài	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
2301	Nguyễn Duy Trung	21/9/1981	272939594	tổ 53 - 4B	chạy xe ôm	biển hoà - Dnai	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2302	Nguyễn Thị Tầm	15/9/1984	272888494	tổ 50 KP4B	bán xôi vỉa hè	Cổng trường tiểu học T. dài	01/04/2020	800.000	1.000.000		
2303	Lê Thị Lục	2/2/1975	182440836	tổ 60- 4B	Phụ quán nhậu	ngã 4 Q. Thảng Trảng dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2304	TRINH VÂN TUYẾN	3/6/1905	162337164	TỔ 18- KP4C	MUA VE CHAI DAO	KHU VỰC T. DÀI	01/04/2020	0	1.000.000		
2305	MAI THỊ NÊ	18/5/1905	272259248	TỔ 52- KP4C	BÁN XÔI .B. MÌ VĨA HIỆ	NGÃ 3 THANH HÓA .T. DÀI	01/04/2020	0	1.000.000		
2306	TRẦN THỊ HÀ	7/6/1905	276040447	TỔ 51- KP4C	BÁN HÀNG RONG	C. TRƯỜNG HỌC T. SA	01/04/2020	0	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhân và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2307	LÊ HỮU HÙNG	6/6/1905	276068564	TỔ 39- KP4C	XE ÔM CHỖ KHÁCH	KCN AMATA	01/04/2020	0	1.000.000		
2308	VŨ THỊ HOÀNG DIỆU	5/6/1905	272709842	TỔ 26- KP4C	GOM VE CHAI	P.TRẢNG DÀI	01/04/2020	0	1.000.000		
2309	LÊ VĂN HẢI	15/5/1905	270418498	TỔ 4- KP4C	xe ôm chở khách	CA PC-CC, KP1, T.DÀI	01/04/2020	0	1.000.000		
2310	CAO THỊ ĐỨC	23/5/1905	171522735	TỔ 6- KP4C	MUA PHÉ LIỆU DẠO	P.TRẢNG DÀI	01/04/2020	0	1.000.000		
2311	LÊ VĂN THĂNG	29/5/1905	272368489	TỔ 20- KP4C	CHAY XE MÔ TÔ CHỖ KHÁCH	P.TRẢNG DÀI	01/04/2020	1.900.000	1.000.000		
2312	TRINH HỒNG SÁNG	1/6/1905	271657675	TỔ 52- KP4C	CHAY XE 3 GÁC	KHU VỰC T.DÀI	01/04/2020	0	1.000.000		
2313	Đỗ Thị Huệ	27/8/1978	272760113	tổ 4- KP5	lượn ve chai dạo	khu vực Trảng dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2314	Đinh Thị Lâm	5/3/1950	11175303	tổ 5 - KP5	rửa bát quán phở	Trảng dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2315	Trần Thị Phương	16/12/1963	145381299	tổ 4 - KP5	bán hàng rong xe đẩy rau củ quả	ngã 4 phú thọ KP5 T.Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2316	Nguyễn Minh Hoàn	14/1/1984	271999981	tổ 2 - KP5	bán bún xe đẩy	Trường ĐH công nghệ D.N ai.T. Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2317	Hoàng Thị Hương	1/6/1990	31625503	tổ 8 - KP5	lượn ve chai	khu phố 5 Trảng dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2318	Nguyễn Xuân Diệu	16/10/1982	272669271	tổ 5- KP 5A	Bán hàng rong 3 gác trái cây	địa chỉ 0 cổ đình	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2319	Lê Thị Thanh	13/8/1971	276003633	tổ 19- 5A	gom ve chai	khu vực Trảng dài	01/04/2020	1.900.000	1.000.000		
2320	Nguyễn Thành Trung	3/6/1976	272768363	tổ 5-5A	bán hàng rong B giò B Cam	khu vực Trảng dài	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2321	Nguyễn Đình Tuấn	3/5/1974	272470886	tổ 9-5A	bán hàng rong cắt mướtng	khu vực Trảng dài	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2322	Nguyễn Hữu Long	1/4/2000	272748082	tổ 12-5A	bán cơm chiên vĩ hẻ	chợ ngã 4 N.Khuẩn	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2323	Phạm Thị Lan	20/6/1977	164417670	tổ 15-5A	bán hàng rong hủ tũ giò	khu vực Trảng dài	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2324	Phạm thị Thủy Hằng	18/2/1981	272444225	tổ 23 -5A	bán hàng rong xôi	khu vực Trảng dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2325	Nguyễn Văn Tuyến	16/11/1982	272729759	tổ 23- 5A	chạy xe ôm chở khách	T.Dài - Biên Hòa - Dnai	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (DVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (DVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Chú chú
2326	Nguyễn văn Công	17/2/2020	272433406	tổ 23-5A	chạy xe ôm chở khách	T.Dài - Biên Hòa - Dnai	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2327	Lê Đức Cường	5/10/1980	272358403	tổ 23-5A	chạy xe ôm chở khách	T.Dài - Biên Hòa - Dnai	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2328	Nguyễn Trọng Trường	20/11/1981	272798253	tổ 23-5A	chạy xe ôm chở khách	T.Dài - Biên Hòa - Dnai	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2329	Hà Duy Phở	11/10/1977	151378934	tổ 20-5A	chạy xe ôm chở khách	T.Dài - Biên Hòa - Dnai	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2330	Trần thị Lua	15/2/1987	272927090	tổ 20-5a	bán hàng rong xi đánh giầy	địa chỉ 0 có đình	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2331	Đoàn thị Hoa	1/1/1952	272544944	tổ 10-5A	bán hàng rong B chung .B giỏ	khu vực Trảng dài	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2332	Hoàng thị Duyên	3/1/1978	271919250	tổ 23-5A	bán hàng rong quần áo vỉa hè	khu vực Trảng dài	01/04/2020	700.000	1.000.000		
2333	Vũ thị Râu	22/11/1957	3615700285	tổ 23-5A	thu gom ve chai	khu vực Trảng dài	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
2334	Nguyễn Thanh Xuân	10/3/1982	131476424	tổ 25-5A	chạy xe ôm chở khách	T.Dài - Biên Hòa - Dnai	01/04/2020	0	1.000.000		
2335	Trần Thị Tuyết Ngân	20/7/1993	272895619	tổ 23-5A	bán hàng rong xe đẩy B tiêu	khu vực Trảng dài	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2336	Nguyễn Thị Nhòn	10/2/1963	272875882	tổ 28-5A	luyện ve chai	khu vực Trảng dài	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2337	Nguyễn Thị Duyên	17/3/1980	240895482	tổ 16-5A	bán hàng rong bánh tráng trộn	Trường N khuyến	01/04/2020	0	1.000.000		
2338	Nguyễn Thị Giang	10/2/1996	187411590	tổ 4 - KP5A	Phụ quán cà phê	ANOBIROVIS KP1 T.Dài	01/04/2020	0	1.000.000		
2339	Hoàng Thị Huyền	3/1/1988	272561750	tổ 5-5A- KP5A	bán hàng rong trái cây ng xe đẩy	khu vực Trảng dài	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2340	Nguyễn Thị Thu Hà	13/9/1986	164562426	tổ 24 KP5 A	phụ quán cà phê	TIGON 2 KP2 T.Dài	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		

22. PHƯƠNG TÂN HIỆP

2341	Hồ thị tuyết	1976	2725704076	23/4, tổ 3, kp1 A	bán hàng rong kẹo bông các công trường học	P.Tân Hiệp	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
2342	Vòng xấp múi	1975	271 894 704	03/1C, Tổ 10, kp1A	bán hàng rong quần tại chợ nhỏ Tân Hiệpj, chợ Diêu	P.Tân Hiệp+ Long Bình	01/04/2020	0	1.000.000		
2343	Trần thị huyền	1983	276029125	35/4D, tổ 11, kp1A	bán hàng rong rau củ quả, xe đẩy	P.Tân Hiệp	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (BVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (BVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Chức vụ
2344	Trần Viết Tân	1966	272.376.644	96B/T, KP1A	bán hàng rong bóng đèn ngủ dọc đường đông khách	P. Tân Hiệp	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2345	Mai Công Minh	1989	272388747	847/6, Kp 2	chạy xe ôm	biên hòa	01/04/2020	0	1		
2346	Lê Thị Ngọc Chuyên	1964	270.851.872	03A, tổ 7, Kp 2	Bán hàng rong đồ quần áo không nơi cố định	không cố định	01/04/2020	0	1		
2347	Đoàn Thị Ánh Nguyệt	1984	271.144.445	1039/28, Kp 2	Bán hàng rong rau, không cố định	P. Tân Hiệp	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2348	Trịnh Văn Dũng	1983	272.888.857	1039/28, Kp 2	Bán hàng rong trái cây không cố định	P. Tân Hiệp	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2349	Hoàng Thị Trung Lương	1950	272.764.220	114B/1, tổ 11, Kp 2	Bán hàng rong rau, không cố định	P. Tân Hiệp	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2350	Nguyễn Thị Thảo	1962	272140222	B1/4, tổ 12, kp2	bán trái cây rong không có điểm cố định	P. Tân Hiệp	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2351	Nguyễn Thị Dung	1971	264267494	847/6, kp2	phủ quán cơm tại kp2	P. Tân Hiệp	01/04/2020	0	1		
2352	Vòng Cảnh Phụng	1988	271847735	56B, tổ 11, kp2	bán bánh mì xe đẩy	P. Tân Hiệp	01/04/2020	0	1		
2353	Hồ Thị Đẹp	1957	362129058	113B, tổ 11, kp2	thu gom phế liệu rong	P. Tân Hiệp	01/04/2020	0	1		
2354	Huỳnh Kim Hoa	1948	272844788	kp2	phủ quán ăn Mệ Ủm Tái Kp2, Tân Hiệp	P. Tân Hiệp	01/04/2020	0	1		
2355	Đỗ Thị Thảo	1975	272376873	3/3, kp2	buôn bán quần áo rong chợ đêm lòng Thành	P. Tân Hiệp	01/04/2020	0	1		
2356	Lê Thị Đình	1968	271224797	1/5B, Tổ 3, Kp2	Phủ quán trà sữa	P. Tân Hiệp	01/04/2020	0	1		
2357	Nguyễn trong	1977	211654921	6/1, Tổ 7, kp3	Phủ bán cơm Tân Châu, kp3	P. Tân Hiệp	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2358	Nguyễn thị Đăng	1984	211772331	6/1, tổ 7, kp3	Phủ bán cơm Tân Châu kp3	P. Tân Hiệp	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2359	Trần thị Chuyên	1961	120463823	106/21/K, Kp3	Thu gom ve chai dạo	P. Tân Hiệp	01/04/2020	0	1.000		
2360	Nguyễn Văn Toàn	1963	121323648	106/21/K, Kp3	chạy xe ôm, xe 2 bánh	P. Tân Hiệp	01/04/2020	0	1.000		
2361	Nguyễn Thủy huynh	1981	381667756	tổ 16, kp4	Phủ quán bánh xèo Cô Năm	P. Tân Hiệp	01/04/2020	0	1.000		
2362	Nguyễn thị hương	1961	270909991	Y9, tổ 6, KP4	bán hàng rong (xôi)	P. Tân Hiệp	01/04/2020	0	1.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2363	Nguyễn Thị Hồng Gấm	1986	038.186.013.072	F 10, tổ 8, KP4	Phụ bán quần áo	P. Tân Hiệp	01/04/2020	0	1.000		
2364	Phạm Văn Minh	1986	038.086.013.747	F 10, tổ 8, KP4	Phụ bán quần áo	P. Tân Hiệp	01/04/2020	0	1.000		
2365	Phạm Hồng Phương Linh	1987	271.904.174	F1, KP4	Bán cơm tấm vỉa hè bv nhì	P. Tân Hiệp	01/04/2020	0	1.000		
2366	Vũ Minh Hoàng	1981	271.535.525	E9, tổ 5, KP4	Phụ bán bún	P. Tân Hiệp	01/04/2020	0	1.000		
2367	Trần Trung Nhật Tường	1991	272.250.531	66/2, tổ 15, KP4	Bán hàng rong (trà sữa)	P. Tân Hiệp	01/04/2020	0	1.000		
2368	Nguyễn Duy Hải	1991	132.187.173	63B, tổ 15, KP4	Bán xôi và bánh mì rong	P. Tân Hiệp	01/04/2020	0	1.000		

23. PHƯỜNG TÂN VAN

2369	Đinh Thị Nghiêp	1978	272646084	A1/81	bán hàng rong càc, giải khát	không cố định	01/04/2020	1.500.000đ	1.000.000đ		
2370	Trương Thị Minh Nga	15/06/1958	270124531	A1/16E	bán hàng rong nước mắm	không cố định	01/04/2020	1.000.000đ	1.000.000đ		
2371	Nguyễn Thị Nga	1959	270124564	A1/75	bán hàng rong hủ tiếu	không cố định	01/04/2020	1.700.000đ	1.000.000đ		
2372	Đỗ Thị Vân	10/10/1951	270125236	A2/76	Bán hàng rong (nước giải khát)	công trường học Kim Đồng- Tân Vạn - Biên Hòa - Đồng Nai	01/04/2020	1.500.000đ	1.000.000đ		
2373	Trần Cao Tiến Hóa	07/10/1976	271188541	Tổ 21 kp2	bán hàng rong (trái cây)	A1/162 kp1 - Tân Vạn - BH-DN	01/04/2020	1.500.000đ	1.000.000đ		
2374	Trần Văn Quân	01-01-1964	270666981	A2/127G	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	không cố định	01/04/2020	Không có	1.000.000đ		
2375	Chiêu Đức Hòa	1946	270125571	A2/251	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	không cố định	01/04/2020	Không có	1.000.000đ		
2376	Cao Thị Mỹ Hằng	16/08/1977	271292694	A2/194	bán hàng rong, xôi, sữa đậu nành	không cố định	01/04/2020	1.500.000đ	1.000.000đ		
2377	Phạm Thị Mỹ Tuyết	24-03-1985	273148588	122/9/9	bán hàng rong, bán giá	không cố định	01/04/2020	không có	1.000.000đ		
2378	Nguyễn Trí Danh	08/06/1958	270062114	A2/361	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	không cố định	01/04/2020	1.200.000đ	1.000.000đ		
2379	Trần Thanh Hải	1964	272871282	A2/145A	bán hàng rong, bánh mì	không cố định, đi theo xe khách	01/04/2020	1.600.000đ	1.000.000đ		
2380	Võ Châu Minh	15/10/1983	271545708	A2/85G	bán hàng rong, càc, nước giải khát	không cố định	01/04/2020	1.500.000đ	1.000.000đ		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2381	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	20/11/1962	271802223	A2/101	bán hàng rong, trái cây, rau củ	không cố định	01/04/2020	800.000đ	1.000.000đ		
2382	Lê Thị Lan	26/12/1952	272388566	A2/138A	bán hàng rong, khoai, bánh chuối	không cố định	01/04/2020	1.600.000đ	1.000.000đ		
2383	Nguyễn Hồng Châu	18/01/1966	270370369	A2/368	chạy xe ba gác	tại cảng sông, không cố định	01/04/2020	1.000.000đ	1.000.000đ		
2384	Lê Thanh Kiệt	28/11/1960	270146264	A3/191	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	không cố định	01/04/2020	1.500.000đ	1.000.000đ		
2385	Nguyễn Văn Danh	01/11/1959	270750459	A3/52B	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	không cố định	01/04/2020	1.500.000đ	1.000.000đ		
2386	Trương Thị Anh	1961	270124706	A3/291D	bán hàng rong trái cây, bánh chuối	không cố định	01/04/2020	không có	1.000.000đ		
2387	Nguyễn Thị Tư	1941	270148729	A3/111A	thu gom rác, phế liệu, lượm ve chai	không cố định	01/04/2020	300.000đ	1.000.000đ		
2388	Lương Vũ	21/11/1963	270146550	A3/129	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	chợ Tân Vạn	01/04/2020	không có	1.000.000đ		
2389	Trần Thị Lan	1947	270146376	A3/135	bán hàng rong bán rau	không cố định	01/04/2020	500.000đ	1.000.000đ		
2390	Trịnh Ngọc Thành	23/07/1965	270670058	A3/265	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	không cố định	01/04/2020	1.000.000đ	1.000.000đ		
2391	Nguyễn Văn Phụng	05/09/1966	270670267	A3/104	xe ôm	không cố định	01/04/2020	1.000.000đ	1.000.000đ		
2392	Nguyễn Văn Long	19/06/1962	270146050	A3/104	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	không cố định	01/04/2020	1.000.000đ	1.000.000đ		
2393	Trần Thiên Hải	12/10/1962	270146323	A3/109A	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	không cố định	01/04/2020	1.200.000	1.000.000đ		
2394	Lê Hoàng Phúc	1965	270670345	A3/163	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	không cố định	01/04/2020	1.500.000đ	1.000.000đ		
2395	Nguyễn Tấn Lạc	13/01/1954	270056801	A3/35	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	không cố định	01/04/2020	1.000.000đ	1.000.000đ		
2396	Huỳnh Cao Văn	25/09/1968	270750429	A3/146	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	ngã ba Tân Vạn, chợ Tân Vạn	01/04/2020	600.000đ	1.000.000đ		
2397	Phạm Ngọc Cúc	26/12/1961	270948438	A3/160B	bán hàng rong bánh bao	ở ngã ba Vũng Tàu	01/04/2020	1.000.000đ	1.000.000đ		
2398	Võ Văn Đạt	01-09-1962	270146554	A3/222	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	tại nhà	01/04/2020	1.500.000đ	1.000.000đ		
2399	Bùi Thị Tuyết	20/12/1964	272299935	A4/369B	thu gom rác, ve chai	không cố định	01/04/2020	1.500.000đ	1.000.000đ		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2400	Cao Tấn Trung	26/05/1988	271966215	A4/369A	lái xe mô tô 2 bánh chõ khách	Không cố định	01/04/2020	1.600.000đ	1.000.000đ		
2401	Huyền Thị Bông	03/06/1971	272807813	A4/312E	bán hàng rong trái cây	Không cố định	01/04/2020	700.000đ	1.000.000đ		
2402	Nguyễn Văn Sang	1960	270146975	A4/108	thu gom phế liệu	Không cố định	01/04/2020	1.500.000đ	1.000.000đ		
2403	Lê Thị Ngọc	01/01/1941	270148651	A4/316	bán hàng rong trái cây	Không cố định	01/04/2020	không có	1.000.000đ		
2404	Nguyễn Thị Hương	12/12/1958	272479604	A4/298 D	lái xe mô tô 2 bánh chõ khách	Không cố định	01/04/2020	1.500.000đ	1.000.000đ		
2405	Là Ngọc Anh	28/11/1980	271389556	A4/256	bán hàng rong bán xôi	không cố định	01/04/2020	1.500.000đ	1.000.000đ		
2406	Trần Hoàng Dũng	04/09/1978	271292544	A4/322	lái xe mô tô 2 bánh chõ khách	bên xe Tân Vạn	01/04/2020	1.000.000đ	1.000.000đ		
2407	Nguyễn Văn Hùng	11/05/1971	270948271	A4/104B	lái xe mô tô 2 bánh chõ khách	không cố định	01/04/2020	không có	1.000.000đ		
2408	Phan Thị Năm	30/09/1958	270119842	A482A	bán hàng rong, các loại bánh khoai, mì	không cố định, quanh khu du lịch Bửu Long	01/04/2020	1.500.000đ	1.000.000đ		
2409	Đinh Công Thủy	12/01/1967	271751486	A4/212A	lái xe mô tô 2 bánh chõ khách	không cố định	01/04/2020	1.900.000đ	1.000.000đ		
2410	Nguyễn Văn Giàu	15/01/1961	270149030	A4/69	lái xe mô tô 2 bánh chõ khách	không cố định	01/04/2020	1.000.000đ	1.000.000đ		
2411	Văn Đại Muối	15/10/1951	270148250	A4/97	bán hàng rong trái cây, rau củ	không cố định	01/04/2020	1.200.000đ	1.000.000đ		
2412	Lê Thị Bích Ngọc	19/04/1956	270148702	A4/306B	phụ bán quần chày	A1/164 kp1 p Tân Vạn	01/04/2020	không có	1.000.000đ		
2413	Lê Thị Phương	28/12/1961	270148352	A4/363A	bán hàng rong hủ tiếu	không cố định, tại hẻm chùa đạo, p Tân Vạn	01/04/2020	1.600.000đ	1.000.000đ		
2414	Phạm Thị Hương	1949	270148985	A4/111	phụ quán phở	A3/54 Kp3, p Tân Vạn	01/04/2020	1.500.000đ	1.000.000đ		
2415	Trần Thị Mai	01/10/1982	271481762	A4/111	phụ quán hủ tiếu	33/31 kp4	01/04/2020	1.800.000đ	1.000.000đ		
2416	Phan Ngọc Trang	03-06-1989	271946536	A4/111	phụ quán hủ tiếu	A4/114A	01/04/2020	1.000.000đ	1.000.000đ		
2417	Tạ Thị Kim Liên	22/10/1967	270993169	A4/21L	phụ bán mì	A3/3130 Kp3	01/04/2020	1.400.000đ	1.000.000đ		
2418	Dương Ngọc Thu	08/10/1965	270866936	A4/214	phụ bán bún riêu, rùa chến, nhứt rau	A4/145 kp4	01/04/2020	1.500.000đ	1.000.000đ		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2419	Nguyễn Hữu Hòa	06/06/1977	271248885	A4/365D	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	không có định	01/04/2020	1.000.000đ	1.000.000đ		

24. PHƯỜNG BỬU LONG

2420	Vũ Thị Anh	1969	270780448	14/1b tổ 9 kp2	Hàng rong bán rau củ quả	Kp2 Bửu Long	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2421	Lý Thị Diễm Thùy	17/5/1971	271240223	16/2 tổ 11c kp2	Hàng rong bán chè	Khu vực chợ Biển Hòa	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
2422	Nguyễn Thị Kim Hoa	06/03/1983	271535334	17/7 tổ 11b kp2	Hàng rong bán trái cây	Kp2 Bửu Long	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2423	Nguyễn Hồng Phúc	14/8/1976	271263452	2/10c tổ 15 kp3	Phục vụ quán	Quán phở Trung Hiếu	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2424	Nguyễn Thị Huệ	12/05/1972	270963168	2/10 tổ 15 kp3	Phục vụ quán	Quán phở Trung Hiếu	01/04/2020	0	1.000.000		
2425	Nguyễn Thị Mông Đào	22/10/1970	270859187	12/8 kp3	Phục vụ quán cà phê	tổ 28 kp5 Bửu Long	01/04/2020	0	1.000.000		
2426	Nguyễn Thị Huỳnh Mai	05/10/1967	271182825	1/7 tổ 17 kp3	Phục vụ quán	Quán Cơm Gà Xôi mỗ Kp3, Bửu Long	01/04/2020	0	1.000.000		
2427	Lý Thị Liên	07/05/1963	270380022	2/4 tổ 17 kp3	Phục vụ quán	Tiệm mỳ Phước Lạc Thọ	01/04/2020	0	1.000.000		
2428	Lý Thị Dung	1961	270380023	4/6 tổ 17 kp3	Phục vụ quán	Tiệm mỳ Phước Lạc Thọ	01/04/2020	0	1.000.000		
2429	Ngô Thị Nga	09/01/1965	270042890	5/1a tổ 17 kp3	Phục vụ quán	Tiệm mỳ Phước Lạc Thọ	01/04/2020	0	1.000.000		
2430	Đoàn Thị Phi Phương	09/06/1968	270711413	7/5 tổ 18c kp3	Phục vụ quán	Com tấm Tỳ Ngiã Bửu Long	01/04/2020	0	1.000.000		
2431	Đặng Thị Nhưong	23/10/1970	270940186	7/10a tổ 18c kp3	Phục vụ quán	tổ 18, Kp3 Bửu Long	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2432	Huỳnh Tấn Hoàng	18/7/1974	271224056	9/10 tổ 18 kp3	Phục vụ quán	Chả Lụi 486 tổ 20 kp3	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2433	Đào Thị Nhi	1957		6/11 tổ 18c kp3	Phục vụ quán	Chả Lụi 486 tổ 20 kp3	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2434	Nguyễn Ngọc Hoàng	25/5/1981	271529879	tổ 20 kp3	Phục vụ quán	Lẩu cá Hoàng Oanh	01/04/2020	700.000	1.000.000		
2435	Trần Thị Tuyết Nga	06/11/1958	270156589	6/1 tổ 15 kp3	Phục vụ quán	Chả Lụi Minh Anh	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2436	Trần Thị Kim Mai	02/07/1963	270156590	6/1b tổ 15 kp3	Phục vụ quán	Chả Lụi Minh Anh	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2437	Lê Thị Thu Hằng	07/02/1990	272039780	6/1 tổ 15 kp3	Phục vụ quán	Chà Lui Minh Ánh	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2438	Trần Ánh Lê	14/5/1956	272139966	6/1 tổ 15 kp3	Phục vụ quán	Chà Lui Minh Ánh	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2439	Phan Thị Hồng Thy	27/7/1976	271233957	9/10 tổ 18 kp3	Phục vụ quán	Chà Lui Minh Ánh	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2440	Huỳnh Thị Kim Loan	07/12/1975	271143889	12/5 tổ 16 kp3	Phục vụ quán	Chà Lui 486 tổ 20 kp3	01/04/2020	0	1.000.000		
2441	Huỳnh Thị Hồng Dung	13/1/1967	270934108	10/8 kp3	Phục vụ quán	Tiệm mỹ phẩm Lộc Thọ Tân Vạn	01/04/2020	0	1.000.000		
2442	Bạch Hồng Vân	02/02/1979	271364453	5/3 tổ 17 kp3	Phục vụ quán	Quán cơm Sài Gòn Kp1, Bưu Long	01/04/2020	0	1.000.000		
2443	Chung Thị Trang	1957	270711477	5/1d tổ 17 kp3	hang rong bán nước sâm	kp 3, Bưu Long	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2444	Đinh Thị Trang	07/11/1979	272189525	tổ 20 kp3	Hang rong bán chè	Kp3 Bưu Long	01/04/2020	800.000	1.000.000		
2445	Lương Thị Ngõ	1949	270378114	6/8 kp3	Phục vụ quán	Chà Lui Minh Ánh	01/04/2020	0	1.000.000		
2446	Nguyễn Thị Hiền	21/8/1951	272466465	13/7d kp3	Phục vụ quán chà lui	Chà Lui Tèo Em	01/04/2020	700.000	1.000.000		
2447	Nguyễn Thị Mộng Hồng	19/5/1973	271043676	10/7a tổ 15 kp3	Phục vụ quán chà lui	a38c tổ 28 kp5 Bưu Long	01/04/2020	0	1.000.000		
2448	Dương Ngọc Bình	20/8/1975	271247854	15/9 tổ 20c kp3	Hang rong bán rau, củ quả	Khu vực chợ Hòa An	01/04/2020	0	1.000.000		
2449	Hồ Thị Xuân	02/08/1958	270229424	14/9 tổ 20 kp3	Phục vụ quán	42a, phường Hòa Bình	01/04/2020	0	1.000.000		
2450	Nguyễn Văn Lập	1963	340187706	Tạm trú tổ 18 kp3	phụ bếp	Quán 333 P. Bưu Long	01/04/2020	0	1.000.000		
2451	Lê Thị Đẹp	1962	341689241	Tạm trú tổ 18 kp3	phụ bếp	Quán 333 P. Bưu Long	01/04/2020	0	1.000.000		
2452	Lê Thị Mỹ Hoa	1964	270641721	6/1a tổ 15 kp3	Phục vụ quán	Chà Lui Thanh Đào Kp2, Bưu Long	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2453	Mai Thị Thanh Nga	26/12/1971	271043629	3/11 tổ 20c kp3	Phục vụ quán	Lầu cả Hoàng Oanh Bưu Long	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2454	Nguyễn Ngọc Thúy	27/12/1987	272372528	3/11 tổ 20 kp3	Phục vụ quán	Lầu cả Hoàng Oanh Bưu Long	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2455	Bùi Trương Lương	02/08/1964	270879506	Tạm trú tổ 18 kp3	phụ bếp	Quán 333 P. Bưu Long	01/04/2020	0	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Chức vụ
2456	Huỳnh Thị Thoa	1964	340512363	Tạm trú tổ 18 kp3	phụ bếp	Quán 333 P. Bưư Long	01/04/2020	0	1.000.000		
2457	Nguyễn Linh Phi	03/10/1996	341990780	Tạm trú tổ 18 kp3	Phục vụ quán	Quán 333 P. Bưư Long	01/04/2020	0	1.000.000		
2458	Nguyễn Thị Thu Huệ	06/07/1976	272445813	685/26 tổ 25b kp4	Phụ bếp	Nhà hàng Kí Chi P. Thống Nhất	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2459	Lê Văn Em	16/12/1966	270642922	21/5 tổ 23 kp4	Bốc vác, vận chuyển hàng hóa	Chợ Hòa An	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2460	Trương Thành Nguyễn	14/9/1981	271388630	6/1 tổ 22 kp4	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	tổ 22 , kp4 Bưư Long	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2461	Bùi Thị Cẩm Vân	08/02/1985	272119781	38c tổ 26b kp4	Phục vụ quán hủ tiếu	quán cây xoài Bưư Long	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2462	Lê Thị Liên	15/10/1969	270859300	685/27 tổ 25b kp4	Phục vụ quán cơm Thu Hà	quán cơm Thu Hà Bưư Long	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2463	Cô Ngọc Hương	30/8/1968	270711840	3/1 kp4	Phục vụ quán	Chả lụi Ngọc Huyền Bưư Long	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2464	Cô Thị Ngọc Hoa	27/7/1980	271364458	3 tổ 23 kp4	Phục vụ quán	Chả lụi Ngọc Huyền Bưư Long	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2465	Vô Văn E	02/09/1983	276086093	5/2a tổ 23 kp4	Phụ bếp	Quán ăn gia đình Quyển ăn	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2466	Trần Thị Cẩm Nhung	25/5/1997	272544775	10/7 tổ 22b kp4	Phục vụ quán chả lụi	tổ 22b kp4 Bưư Long	01/04/2020	800.000	1.000.000		
2467	Vô Thị Hiếu	08/11/1969	271990589	2/5 tổ 22d kp4	Thu gom phế liệu	kp4 Bưư Long	01/04/2020	700.000	1.000.000		
2468	Trà Kim Phụng	1969	270859208	16/5 tổ 23 kp4	Phục vụ quán chả lụi	30c kp5 Bưư Long	01/04/2020	0	1.000.000		
2469	Lê Thị Tuyết Anh	13/5/1969	270780348	Tạm trú tổ 28 kp5	Phục vụ quán	Chả lụi Minh Ánh Bưư Long	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2470	Lê Văn Lợi	19/9/1968	270780240	A65A kp5	Phục vụ quán	Chả lụi Minh Ánh Bưư Long	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2471	Trần Thị Thu Hương	02/01/1976	271263473	tổ 28 kp5	Phục vụ quán	Chả lụi Minh Ánh Bưư Long	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2472	Phạm Thị Danh	1954	270128718	a118 tổ 30 kp5	Phục vụ quán chả lụi	Chả lụi Thanh Đào Bưư Long	01/04/2020	1.400.000	1.000.000		
2473	Nguyễn Thị Bé Tư	1952	270388286	c77 tổ 32 kp5	Phục vụ quán	Quán cơm P. Quang Vinh	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2474	Trần Thị Thu Tiên	21/9/1973	271104951	122c tổ 31 kp5	Phục vụ quán chả lụi	Quán Tèo Em Bưư Long	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Nam sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2475	Ngô Thị Tốt	1962	272337250	114c tổ 31 kp5	Phục vụ quán	Quán Tèo Em Bùn Long	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2476	Võ Thị Lăng	10/05/1959	272698998	35b tổ 27 kp5	Phục vụ quán	Quán Tèo Em Bùn Long	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2477	Trần Thị Ngọc Huyền	19/6/1994	272357912	71 tổ 27 kp5	Phục vụ quán	Quán Ngọc Huyền Bùn Long	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2478	Trần Phi Hồng	15/8/1975	271145082	71c kp5	Phục vụ quán	Quán Ngọc Huyền Bùn Long	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2479	Nguyễn Thị Kim	02/09/1964	270660344	36 tổ 27 kp5	Phục vụ quán	Quán Ngọc Huyền Bùn Long	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2480	Trương Thị Hồng	27/6/1959	272272625	25/5 tổ 2 kp1	Phục vụ quán	Quán Chay Cô Hạnh, Bùn Long	01/04/2020	0	1.000.000		
2481	Đào Ngọc Lăng	11/06/1975	271263488	20/2 kp1	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	Bùn Long	01/04/2020	0	1.000.000		
2482	Tô Thị Huyền	05/10/1989	276003386	25/10 tổ 2 kp1	Phục vụ quán	Quán Chay Cô Hạnh, Bùn Long	01/04/2020	0	1.000.000		
2483	Đầu Chi Công	06/07/1986	276051924	đ90/1 tổ 5h kp1	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	Biển Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
2484	Đào Ngọc Cường	26/12/1967	270696721	20/2 kp1	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	Bùn Long	01/04/2020	0	1.000.000		
2485	Lê Thị Chương	1948	350453381	đ31 tổ 5 kp1	hàng rong bán khoai mì	Khu vực chợ biển Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
2486	Trần Thị Thanh Ngân	30/4/2001	272839470	25/4 tổ 2 kp1	Phục vụ quán	café An Nam Bùn Long	01/04/2020	0	1.000.000		
2487	Nguyễn Thị Bạch Vân	1966	270694271	12/1c kp1	Phục vụ quán	Mi Đức phường Quyết Thắng	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2488	Đoàn Ngọc Yến	25/6/1989	272279155	25/5 tổ 2a kp1	Phục vụ quán	Quán Chay Cô Hạnh, Bùn Long	01/04/2020	0	1.000.000		
2489	Đặng Ngọc Sơn	1962	270142121	đ19 kp1	Bốc vác, vận chuyển hàng hóa	Chợ Hòa An	01/04/2020	0	1.000.000		
2490	Trí Quang	01/02/1995	272368140	đ51 tổ 5 kp1	Bốc vác, vận chuyển hàng hóa	Chợ Hòa An	01/04/2020	0	1.000.000		
2491	Nguyễn Kiều Lâm	09/11/1959	22141873	Tạm trú 21/22b tổ 6 kp1	lái xe mô tô 2 bánh chở khách	Biển Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
2492	Phan Thanh Trang	05/05/1980	271365942	đ85 tổ 5 kp1	Hàng rong bán rau, củ quả	Kp1 Bùn Long	01/04/2020	0	1.000.000		
2493	Phạm Thị Thanh Loan	04/04/1975	271143964	4/4 tổ 4 kp1	Phục vụ quán	Quán hủ tiếu 195c tổ 4 kp1 Bùn Long	01/04/2020	0	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhân và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2494	Nguyễn Thị Kim Yến	03/09/2000	272729055	4/4 tổ 2 kp1	Phục vụ quán	com chay Pháp Lạc P. Hòa Bình	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2495	Phan Thị Hiếu	1955	272272472	37b tổ 5 kp1	thu gom ve chai	Bưu Long	01/04/2020	0	1.000.000		
2496	Bùi Thị Xuân	6/6/1960	272069260	14/1a Kp1	Phục vụ quán com	quán Bảo Bảo P. Trảng Dài	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
2497	Huỳnh Thị Tô Mai	03/08/1988	331506721	12/3 tổ 6 kp1	Phục vụ quán	Quán Tèo Em Bưu Long	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2498	Nguyễn Thị Thu	01/01/1982	381371171	Tam trú 29/2 tổ 3 kp1	Phục vụ quán	Quán Trường An Kp4, Bưu Long	01/04/2020	0	1.000.000		

25. PHƯƠNG QUYẾT THẮNG

2499	Nguyễn Văn Nam	1948	270.033.089	103/2 - KP1	Bảo vệ	Nhà nghỉ Mỹ Dung	01/04/2020	Chưa có việc	1.000.000		
2500	Nguyễn Tấn Tùng	1980	271336970	55/3 kp1	lái 2 bánh chở khách	khv vực ga Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2501	Phạm Văn Hoàng	1963	270971363	134/33 - KP1	lái 2 bánh chở khách	khv vực Ngã tư Hà Huy Giáp	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2502	Trương Thị Thanh Thủy	1967	270688008	P3 - KP1	bán bánh tét	Lưu đông	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2503	Trần Thị Vui	1962	270017489	100/33/6 - KP1	Bán gói cuốn	Lưu đông HHG	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
2504	Nguyễn Ngọc Thanh	1967	272993394	71/18 - KP1	lái 2 bánh chở khách	Khv vực ga Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2505	Nguy Ba	1954	270948603	100/33/10 - KP1	Chạy xe ôm	Khv vực chợ Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2506	Dương Kim Quy	1975	271.292.369	107 - KP1	Phục vụ quán Karaoke	Karaoke Vĩnh Thủy	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2507	Huỳnh Thị Phương	1970	270806712	98/5/1 - KP1	Phụ quán	Quán com Thủy	01/04/2020	0	1.000.000		
2508	Lê Văn Hòa	1964	270033260	103/15/8C - KP1	lái xe 2 bánh chở khách	Hà Huy Giáp	01/04/2020	Không chạy được	1.000.000		
2509	Lê Thị Thu Vân	1961	276.022.965	29 - KP1	Phụ bán Cafe	Cô Mai ga xe lửa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2510	Tiểu Thị Cúc	1962	271116876	95/20 - KP1	Bánh trái tròn	Lưu đông	01/04/2020	700.000	1.000.000		
2511	Thái Thị Minh Nguyệt	1953	270119471	17B - KP1	Bán xôi	xe đạp lưu động	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2512	Lê Thị Ngọc Hoa	1982	271477086	134/30/2 - KP1	lái 2 bánh chở khách	Nguyễn Du	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2513	Nguyễn Ngọc Quý	1968	270.860.227	P31 CX 5 tầng cũ - KP1	Phụ bếp	Nhà hàng Vĩnh Thủy	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2514	Nguyễn Văn Thành	1952	270017436	P409 CX 5 tầng - KP1	lái 2 bánh chở khách	Không cố định	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
2515	Nguyễn Tuấn Hải	1957	270113878	103/21/7 - KP1	lái 2 bánh chở khách	Lưu động	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2516	Nguyễn Hoàng Ân	1981	271477210	100/33-kp1	lái 2 bánh chở khách	Hà Huy Giáp	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2517	Trần Thị Ngọc Mai	1972	271490758	95/20 kp1	Bán cà viên chiên	Công trường Nguyễn Du	01/04/2020	không	1.000.000		
2518	Nguyễn Ngọc Tiên	1961	270.373.241	103/15/8D-KP1	lái 2 bánh chở khách	Đường Hà Huy Giáp	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2519	Hồng Thủy Ngân	1956	270.005.791	51-kp1	lái 2 bánh chở khách	Khu vực ga Biên Hòa	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2520	Diệp Thanh Phong	1988	79088002188	TT200/7/1-KP1	xe 2 bánh chở khách	Đường HDV	01/04/2020	1.400.000	1.000.000		
2521	Nguyễn Ngọc Quang	1974	27.145.185	98/16/12-kp1	lái 2 bánh chở khách	Ngã tư HHG	01/04/2020	900.000	1.000.000		
2522	Nguyễn Hoàng Thạch	1985	271.802/174	7B-KP1	Bóc vác	khu vực Chợ Biên Hòa	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2523	Nguyễn Hữu Ninh	1962	270.156.936	TT 103/12/2-KP1	lái 2 bánh chở khách	KP1-p.Quyết Thắng	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2524	Lương Thị Nhan	1963	270033449	98/16/13 Kp1	đẩy xe bán giải khát dạo	Đường Võ Thị Sáu	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2525	Phan Thị Thùy Vân	1990	8910000639	TT 55/1K-KP1	Phục vụ	Quán ăn Kim Ngân	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2526	Nguyễn Mộng Kiều	1966	270672321	1/10/42 - KP2	bán cháo lòng dạo	Đình Phước Lư	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2527	Nguyễn Phi Đại	1991	272239117	1/10/420 - KP2	Bán chè đào	Đình Phước Lư	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2528	Lê Văn Á	1960	271116807	18- KP2	lái 2 bánh chở khách	Lưu động	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2529	Trần Quang Đồng	1959	270153363	35/23- KP2	lái 2 bánh chở khách	Khu vực Bến xe Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2530	Lê Văn Ngọc	1961	270018803	21/2- KP2	lái 2 bánh chở khách	Hà Huy Giáp	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2531	Huỳnh Anh Tuấn	1967	270891871	46/8/2-KP2	lái 2 bánh chở khách	Khu vực chợ Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2532	Cao Văn Công	1951	270018567	1/10/18-KP2	lái 2 bánh chở khách	khu vực Quyết Thắng	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
2533	Nguyễn Văn Thới	1960	270018737	79- KP2	lái 2 bánh chở khách	Lưu động	01/04/2020	1.100.000	1.000.000		
2534	Đặng Phước Thọ	1960	271390213	1/2A- KP2	lái 2 bánh chở khách	Dương CMT8-KP2	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2535	Nguyễn Thị Kim Em	1956	270229936	1/10/6-kp2	hàng rong vịt lộn	Lưu động	01/04/2020	2.000.000	1.000.000		
2536	Hoàng Thị Ngân	1953	270018380	24/51/2-kp2	hàng rong vịt lộn	Hà Huy Giáp	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2537	Dương Thị Thơ	1962	270032222	35/3-kp2	hàng rong bánh tét	Lưu động	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2538	Nguyễn Thị Nờ	1956	270018367	1/4 CMT8-kp2	Tạp vụ	Nhà hàng KaiSeRin	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2539	Trần Thị Huệ	1964	270069280	40 QL1-KP2	Tạp vụ rửa chén	Nhà hàng KaiSeRin	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2540	Trương Văn Hải	1971	271477109	35/11A	lái 2 bánh chở khách	Ng Thành Phương	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2541	Trần Hoàng Việt	1965	270672292	32/3-kp2	lái 2 bánh chở khách	Ng Thành Đồng	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2542	Phạm Trần Nhân	1959	270057200	Tổ 6-kp2A	gom phế liệu	Lưu động	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2543	Phạm Thị Huệ	1960	270032197	46/7/3-kp2	Lượng ve chai	Khu vực chợ Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2544	Phạm Thị Thu Lan	1964	270032194	46/7/3-kp2	gom ve chai	Khu vực Chợ Đồn	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2545	Nguyễn Ngọc Anh	1959	271537804	82/5-kp2	gom ve chai	Lưu động	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2546	Lê Thị Đẹp	1962	270.153.897	35/3 kp2	Bán tàn hủ dáo	Hiệp Hòa	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2547	Nguyễn Ngọc Thu	1962	270.018.119	52/2 kp2	Rửa chén	Tiệm mì Quyết Thắng	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2548	Lê Thị Kim Thủy	1984	271.792.432	30/5/2 kp2	Phu bán cơm	Chợ Hàng Dầu	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2549	Trần Thị Cúc	1962	270.285.640	1/18-KP2	Tạp vụ rửa chén	Nhà hàng KaiSeRin	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhân và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2550	Trần Mỹ Hà	1972	271420696	68/1-kp2	lái 2 bánh chở khách	Lưu đông	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2551	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	1971	270948464	1/10/48 kp2	Rửa chén	Cơm Phương p. Hòa Bình	01/04/2020	1.800.000	1.000.000		
2552	Lê Văn Nhung	1960	272735342	18 kp2	lái 2 bánh chở khách	Ngã 4 Vũng Tàu	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2553	Trần Thị Hương	1958	270891832	1/18 KP2	Bán xôi dạo	đường Hà Huy Giáp	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2554	Phan Văn Lươn	1958	272681475	16B KP2	lái 2 bánh chở khách	Lưu đông	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2555	Phạm Văn Tiến	1994	272433769	1/10A KP2	Bóc vải	khu vực P. Quyết Thắng	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2556	Phạm Minh Hải	1966	271.296.842	46/1-kp2	Chạy xe ba gác	Phường Quyết Thắng	01/04/2020	K cố định	1.000.000		
2557	Kim Thu Nữ	1972	270.982.613	46/7/13-kp2	Bán khoai lang dạo	Tỉnh xá Ngọc Hòa	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2558	Trần Quang Tường	1960	270858751	160/18/2-kp3	lái 2 bánh chở khách	khu vực Chợ Biên Hòa, BV Đồng Nai	01/04/2020	k cố định	1.000.000		
2559	Nguyễn Thị Lệ Thủy	1968	272079698	160/16B - KP3	Bán trái cây	Đường CMT8	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2560	Tổng Kim Phương	1964	270948759	160/22/5/5- KP3	Phụ bán cơm	Bệnh viện trung cao	01/04/2020	2.000.000	1.000.000		
2561	Mai Thu Thủy	1974	271578102	160/22/5/9- KP3	Phụ bán hủ tiếu	Hẻm 160	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2562	Phan T. Trúc Chi	1959	270710965	Nhà tình thương	Thu gom ve chai	Lưu đông	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2563	Mai Phát Tài	1962	272716511	160/22/41	lái 2 bánh chở khách	Khu vực chợ Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2564	Tô Dư Tài	1958	270019398	160/31/9/9B- KP3	Chạy xích lô	khu vực Chợ Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2565	Phan Thị Anh Tuyết	1960	270658938	160/F1- KP3	Bán tàu hủ dạo	Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2566	Phạm Thị Tuyết	1956	270022437	12/2/1- KP3	rửa chén	Nhà hàng KaSeRim	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2567	Trần Thị Loan	1957	270019452	160/40/1B- KP3	Bán cơm dẹp dạo	Hẻm 160	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2568	Đỗ Thị Thủy	1979	271303283	160/87C- KP3	Phụ bán hủ tiếu	Quán Minh Phước	01/04/2020	2.000.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (DVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (DVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2569	Phạm Thị Mỹ Thu	1965	270694752	1/7/9 VTS- KP3	Bán xôi dạo	Lưu động	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2570	Nguyễn Ngọc Xinh	1956	270858398	21/4 VTS- KP3	lái 2 bánh chở khách	Phường Quyết Thắng	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2571	Nguyễn Tâm	1939	270 374 015	92C/4 CMT8- KP3	lái 2 bánh chở khách	CMT8 kp3	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2572	Trần Minh Long	1954	270374092	92/8 CMT8- KP3	lái 2 bánh chở khách	Khu vực Khu công nghiệp	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2573	Phạm Văn Mười	1951	270013502	108 CMT8- KP3	đẩy xe bán giải khát	khu vực đường CMT8	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2574	Phạm Minh Sơn	1962	270.029.036	108/15/1- KP3	Chạy xe xích lô		01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
2575	Trương Thị Chính	1954	272386957	108/15/7B- KP3	Bán đồ chơi trẻ em	Trưởng Nguyễn Du	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2576	Phạm Mạnh Thường	1965	270783181	108/20/23-kp3	Lái 2 bánh chở khách	Khu vực Mũi tàu - CMT8	01/04/2020	2.000.000	1.000.000		
2577	Nguyễn Văn Minh	1957	271224496	108/20/8- KP3	lái 2 bánh chở khách	khu vực Hẻm 108-CMT8	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2578	Nguyễn Thị Tuyết	1951	270019976	90/3/17B- KP3	Bán sữa đậu nành dạo	khu vực Đường CMT8	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2579	Trần Văn Sĩ	1974	272122212	P7-CX38 VTS- KP3	lái 2 bánh chở khách	khu vực Đường HHG	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2580	An Văn Quang	1964	276032421	P10-CX38- KP3	lái 2 bánh chở khách	khu vực Đường HHG	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
2581	Bùi Thị Hoàng	1964	270034673	175 - KP3	Bán xôi dạo	khu vực Đường CMT8	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2582	Nguyễn Thị Huệ	1961	270374061	92C/6 CMT8- KP3	rửa chén	Quán Thuận	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2583	Nguyễn Thị Mai	1954	272805509	88/7-KP3	thu gom ve chai	Lưu động	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2584	Võ Thị Cẩm Vân	2002	272992372	92C/6 - KP3	Bán xôi, cốc, trứng cút	Lưu động	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2585	Nguyễn Ngọc Nga	1980	271477030	160/69/5 kp3	phụ Bàn cháo lòng	Hẻm 160	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2586	Nguyễn Văn Tèo	1965	Mất	108/15/7 kp3	lái 2 bánh chở khách	Ngã 4 Võ Thị Sáu	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2587	Trần Trung Hiếu	1971	270948792	92C/6 kp3	lái 2 bánh chở khách	khu vực Chợ Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2588	Nguyễn Thị Liên	1947	270.005.868	Nhà xã hội-kp3	Lượng ve chai	lưu động	01/04/2020	1.800.000	1.000.000		
2589	Quảng Thị Kim Hồng	1976	271.252.879	160F-KP3	bán giải khát	khu vực Nhà thờ Biên Hòa	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2590	Trần Thuý Anh Thư	1987	271.860.387	160/42/5-kp3	phụ hồ tiêu	Trạm y tế p. Thống nhất	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2591	Ng Hoàng Trọng Nhân	1974	271/267.173	108/1-kp3	lái 2 bánh chở khách	khu vực hẻm 108-kp3	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2592	Trần Ngọc Châu	1953	8905300058	TT 108/4-KP3	lái 2 bánh chở khách	khu vực Quyết Thắng	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2593	Nguyễn Thị Thùy	1967	271.105.538	12/4/3-kp3	tạp vụ rửa chén	Quán ăn MôngKông	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2594	Quảng Thị Kim Liên	1966	270672377	1/2 kp3	phụ Bán giải khát	khu vực Hẻm Cao đài	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2595	Lâm Thị Có	1960	270083154	160/22/19-kp3	bán trái cây	khu vực chợ Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2596	Vũ Quốc Diễm	1971	271.569.976	160/31/9/10-kp3	lái 2 bánh chở khách	khu vực ngã tư VTS	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2597	Nguyễn Ngọc Lan	1962	270.948.481	160/31/9/13-kp3	Phu bếp	Nhà hàng Tạ Hiền	01/04/2020	2.000.000	1.000.000		
2598	Võ Văn Quang	1978	272199562	92C/6 KP3	Bốc vác	VLXD Minh Châu	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2599	Lê Kim Định	1963	270.029.049	12/14B-KP3	Phụ hồ tiêu	Chợ Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2600	Phạm Thị Em	1951	270017803	62/35B - KP4	Bán Hội vớt lộn	Hẻm 62	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2601	Ôn Ngọc Khỏe	1953	270858704	66A - KP4	Bán bánh bao dẻo	bs Vĩa rạp hải Khánh Hưng	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2602	Lê Thị Thu Cúc	1988	272927283	377/36 - KP4	Bán Cơm dẹp dẻo	khu vực Bờ Kè	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2603	Nguyễn Thị Lê	1949	270031046	92/5 - KP4	Bán bảo đạo	Lưu động	01/04/2020	900.000	1.000.000		
2604	Kiều Quốc Việt	1970	270982560	18/21/21 - KP4	lái 2 bánh chở khách	BV Đông Nai cũ	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2605	Thạch Thị Nguyệt	1972	272871111	18/21/21 - Kp4	bán xôi dẻo	bờ kè sông Đông Nai	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2606	Huỳnh Văn Công	1959	271968059	18/21/35 - KP4	lái 2 bánh chở khách	BV Đông Nai cũ	01/04/2020	1.800.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhân và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2607	Hà Thị Kim Phụng	1966	270672443	18/21/39/4 - KP4	Bán củ tiêu gỗ	BV Đồng Nai mới	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2608	Huỳnh Thanh Thảo	1973	271303369	18/21/14/8 - KP4	lái 2 bánh chở khách	khv vực BV Đồng Nai	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
2609	Huỳnh Ngọc Lân	1955	271.116.895	36/19-kp4	lái 2 bánh chở khách	khv vực BV Đồng Nai	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2610	Nguyễn Thị Bé	1958	270941710	18/21/10/28 - KP4	Bán củ tiêu gỗ	Công cảng Đồng Nai	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2611	Nguyễn Thị Nga	1967	272229512	62/11/14A - KP4	Bán gói cuốn dạo	Kp4 Quyết Thắng	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2612	Trần Trọng Như	1972	271936064	36/23/2 - KP4	lái 2 bánh chở khách	khv vực Chợ Lò Bò	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2613	Nguyễn Thị Trúc Oanh	1967	270710772	18/28/10 - KP4	Bán bánh canh dạo	khv vực Công BV Đồng Nai	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2614	Trần Nguyễn Tuấn Ngọc	1987	271891566	36/24 - KP4	lái 2 bánh chở khách	khv vực Bệnh viện Đồng Nai	01/04/2020	700.000đ	1.000.000		
2615	Bùi Ngọc Lệ Chi	1965	270672025	36/6/8 - KP4	rửa chén	Quán cơm Thủy	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2616	Trương Sanh	1959	270917175	36/21B - KP4	lái 2 bánh chở khách	khv vực BV Đồng Nai cũ	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2617	Lý Hải	1951	270031523	18/28/12A - KP4	Bán bánh mì thùng dạo	khv vực BV Đồng Nai	01/04/2020	1.400.000	1.000.000		
2618	Tô Kim Hoàng	1968	271013853	36/36 - KP4	Phụ bán cơm	Quán cơm tấm 57	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2619	Hà Văn Nhi	1944	270858723	36/23 - KP4	Chạy xe ôm	khv vực BV Đồng Nai cũ	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2620	Phạm Thị Thanh Thủy	1975	271292336	62/35B - KP4	Bán bánh bò	Chợ Tam Hiệp	01/04/2020	800.000đ	1.000.000		
2621	Huỳnh Thái Sơn	1967	270711030	36/28 - KP4	Lái 2 bánh chở khách	khv vực hẻm 36	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2622	Bùi Đức Chương	1972	271387176	36/5 - KP4	lái 2 bánh chở khách	khv vực hẻm 36	01/04/2020	1.800.000	1.000.000		
2623	Trần Thị Ba	1961	271990976	62/40 - KP4	Bán xôi dạo	Công trường N.Du	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2624	Đặng Đức Lương	1966	270672452	36/65 - KP4	Phụ quán cafe	khv vực bờ Kè	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2625	Nguyễn Văn Hùng	1963	270017530	36/14 - KP4	lái 2 bánh chở khách	khv vực CV Biển Hùng	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Nam sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2626	Nguyễn Văn Cư	1963	272309113	36/23/16A - KP4	lái 2 bánh chở khách	khv vực chợ Biên Hòa	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2627	Hà Phạm Hoàng Vũ	1978	271336984	36/17 - KP4	lái 2 bánh chở khách	khv vực KS Đồng Nai	01/04/2020	900.000đ	1.000.000		
2628	Đặng Thị Kim Diệp	1969	270858385	36/65 - KP4	Bán chè đạo	Lưu động	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2629	Nguyễn Thị Kim Hoa	1973	271003481	18/21/2 - KP4	Bán đầu phòng đạo	khv vực Bệnh viện llo	01/04/2020	500'000	1.000.000		
2630	Lê Thị Mỹ	1959	272311178	18/21/10/4A - KP4	Bán cơm dẹp đạo	khv vực Bến xe Biên Hòa	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2631	Phan Thanh Dũng	1960	270031314	18/21/10/14 - KP4	lái 2 bánh chở khách	khv vực ngã Tư cầu mới	01/04/2020	900.000'	1.000.000		
2632	Đồng Thị Liễu	1959	272379235	18/21/10/14 - KP4	Phu quán lẩu mắm	Quán Cây Bàng	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2633	Lương Văn Nghĩa	1960	270637134	TT 18/21/3/5	lái 2 bánh chở khách	khv vực BV Đồng Nai	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2634	Nguyễn Châu Tuấn	1968	270710941	62/24/30 - KP4	tạp vụ rửa chén	Quán cơm Thành Q. Vinh	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2635	Phạm Thị Ngọc Thảo	1975	271252867	36/6/2 - KP4	phu Bàn chè đạo	khv vực chợ Hòa An	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2636	Lê Thị Ngọc Bích	1985	271754635	62/21/1/8 - KP4	Bán hàng rong mì xào	KV rạp hát Khánh Hưng	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2637	Tần Thị Lý	1970	270891472	62/11/14A - KP4	Bán hàng rong gói cuốn	khv vực p. Tân Hiệp	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2638	Phạm Văn Dym	1947	270017947	36/6/2 - KP4	lái 2 bánh chở khách	khv vực CV Biên Hùng	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2639	Quản Văn Thắng	1965	280312706	18/21/20 - KP4	lái 2 bánh chở khách	khv vực bến xe Biên Hòa	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2640	Nguyễn Thiên Hiếu	1974	271442617	18/21/32 - KP4	lái 2 bánh chở khách	khv vực bến xe Biên Hòa	01/04/2020	1.500.00	1.000.000		
2641	Tần Văn Ngọc	1957	270017494	62/11/14A - KP4	Bán hàng rong gói cuốn	Khv vực chợ Kỳ Niên	01/04/2020	800.000'	1.000.000		
2642	Tần Nguyễn Anh Khánh	1973	272203955	62/11/14A - KP4	Bán hàng rong gói cuốn	khv vực chợ Trảng Dài	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2643	Đinh Công Hùng	1959	270643576	TT1071/1 - KP4	lái 2 bánh chở khách	khv vực Bảo hiểm tỉnh	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
2644	Nguyễn Thị Thanh Hiền	1985	272040651	18/21/10/20-kp4	Phu quán hủ tưu	Quán hủ tưu Sa đéc	01/04/2020	850.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (DVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (DVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2645	Phạm Thanh Sang	1971	270891295	107/28-kp4	lái 2 bánh chở khách	107/28 kp4	01/04/2020	700.000	1.000.000		
2646	Trương Ánh Ngọc	1982	271477361	107/28	bán sữa đậu nành dạo	KV trường Hướng Dương	01/04/2020	800.000	1.000.000		
2647	Trần Thùy Duyên	1991	272349048	36/23-8-kp4	Bán hàng rong bột lọc	KV Phường Trưng Dũng	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2648	Trần Long Quan	1976	271101732	62/38-kp4	lái 2 bánh chở khách	khu vực chợ Lò Bò	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2649	Võ Thị San	1964	272369125	18/21/15-kp4	Bán nước dạo	KV Nguyễn Bình Khiêm	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2650	Nguyễn Văn Tuấn	1976	271348910	62/29/16A-KP4	lái 2 bánh chở khách	khu vực P. Thổng Nhắt	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2651	Nguyễn Thị Phương	1967	270727219	62/21/12-KP4	Bán sữa đậu nành dạo	KV Trường MG Hướng Dương	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2652	Nguyễn Thị Hữu Công	1974	274303256	18/21/14/11-KP4	Bán nước giải khát dạo	khu vực BV Trưng cao	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2653	Nguyễn Thị Hồng Loan	1972	270982518	18/21/10/16-KP4	Bán trái cây dạo	khu vực 5 làng cũ	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2654	Nguyễn Thị Đan Phương	1964	270031322	18/21/10/16-KP4	bánh ướt, mì xào dạo	khu vực BV Đồng Nai	01/04/2020	800.000	1.000.000		
2655	Nguyễn Văn Trọng	1958	270982742	18/48-KP4	lái 2 bánh chở khách	khu vực BV Đồng Nai	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
2656	Võ Thị Hoa	1957	270031459	18/21/15-KP4	Bán nước giải khát dạo	BV Đồng Nai cũ	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2657	Võ Thành Phần	1969	270772578	18/21/15 kp4	lái 2 bánh chở khách	khu vực BV Đồng Nai mới	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2658	Phan Trọng Tuấn	1985	183541508	357/3/8 kp4	Bốc vác	Lưu Động	01/04/2020	1.800.000	1.000.000		
2659	Nguyễn Văn Châu	1962	270695646	377/53 kp4	lái 2 bánh chở khách	KV ngã tư Hạnh Phúc	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2660	Ngô Thị Thu	1970	271.940.936	36/6/3 kp4	Bán khoai lang dạo	KV ngã 4 vùng Tàu	01/04/2020	800.000	1.000.000		
2661	Nguyễn Thành Thái	1989	271881897	120/3/6 KP4	Phu bếp	CT TNHH Sông Toàn	01/04/2020	0	1.000.000		
2662	Nguyễn Thị Sa	1963	320308900	62/40 KP4	Lượn ve chai	Lưu động	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2663	Nguyễn Thủy Trang	1973	271003302	217/B KP4	Bán nước giải khát dạo	trước trường Hướng Dương	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (DVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (DVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2664	Nguyễn Thị Phương	1959	270031358	18/21/5 KP4	Tập vụ	Nhà Ngõ Ánh Vàng	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2665	Nguyễn Trung Nguyễn	1952	270331144	62/27 KP4	lái 2 bánh chở khách	khu vực trường Trần Hưng Đạo	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2666	Phạm Vĩnh Hưng	1974	271252873	18/21/10/6 KP4	lái 2 bánh chở khách	khu vực BV Đông Nai cũ	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2667	Trần Thị Kim Liên	1957	271169102	107/3 KP4	Bán nước giải khát dạo	khu vực Công A42	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2668	Nguyễn Thị Thu Thủy	1962	270017430	62/11/12 KP4	tập vụ rửa chén	Quán ăn hải sản BH	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2669	Lê Thị Mỹ Nhung	1964	272927443	377/36 KP4	Bán cơm dẹp dạo	KV trường Nguyễn Du	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2670	Trần Thái Phương	1977	271252850	18/21/39/3 KP4	Chạy xe ba gác	VLXD Kim Phương	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2671	Nguyễn Xuân Lộc	1977		18/21/14/11 KP4	Xe ba gác	VLXD Thanh Vân	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2672	Nguyễn Xuân Ngon	1972	271.566.893	18/21/14/11-kp4	Xe ba gác	VLXD Thanh Vân	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2673	Trần Thị Ngọc Hoa	1976	271.252.976	62/29/3B-KP4	Phụ rửa chén	Tiền mý Cát Tường	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2674	Dương Thị Tuyết Loan	1964	270.067.129	36/6-kp4	Phụ rửa chén	khu vực chợ đêm Biên Hùng	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		

26. PHƯỜNG TÂN HÒA

2675	NGUYỄN THỊ NGÀ	1975	271468973	72E/4 KP1	THU GOM PHÉ LIỆU	KP1	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2676	NGUYỄN THỊ HIỀN	1974	272444825	140/2 KP1	BÁN HÀNG RONG (xe đẩy bán bún)	chợ Thành Tâm	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2677	NGUYỄN THỊ LINH	1985	276003626	154/47/8 KP1	THU GOM VE CHAI	154/47/8 KP1	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2678	NGUYỄN PHỮ SON	1964	272379734	85/3 KP1	XE 2 BÁNH CHỖ KHÁCH	Đầu chợ Thành Tâm KP1	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
2679	NGUYỄN THỊ ANH	1982	271630655	62/4 KP1	BÁN HÀNG RONG (com chiên)	cổng tiểu học Thành Tâm	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
2680	VŨ THỊ LAM	1955	270057316	7/4 KP1	BÁN HÀNG RONG (Bán xôi)	giáo xứ Lộ Đức	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
2681	PHẠM VĂN HỮU	1966	270660558	78A/4 KP1	XE 2 BÁNH CHỖ KHÁCH	Đầu chợ Thành Tâm KP1	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Chú chú
2682	BÙI THỎ KHAI	1972	27238210	117B/3 KP1	XE 2 BÁNH CHỖ KHÁCH	Đầu chợ Thành Tâm KP1	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
2683	VŨ THỊ THƠI	1968	271076860	146/12 KP1	THU GOM VE CHAI	KP1	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
2684	ĐÀO THỊ THUY	1982	272993023	414/7/19 KP1	XE 2 BÁNH CHỖ KHÁCH	Đầu chợ Thành Tâm KP1	01/04/2020	1.800.000	1.000.000		
2685	VŨ ĐÌNH HIẾU	1964	27033421	159/2 KP1	XE 2 BÁNH CHỖ KHÁCH	Đầu chợ Thành Tâm KP1	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
2686	BÙI THỊ THUẬN	1965	272144168	104D/2 KP1	XE 2 BÁNH CHỖ KHÁCH	Đầu chợ Thành Tâm KP1	01/04/2020	1.800.000	1.000.000		
2687	TRẦN VĂN NHỰT	1958	276041742	126A/2 KP1	XE 2 BÁNH CHỖ KHÁCH	Đầu chợ Thành Tâm KP1	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
2688	TRẦN ĐÌNH HÌNH	1969	270898473	KP1	XE 2 BÁNH CHỖ KHÁCH	Đầu chợ Thành Tâm KP1	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2689	BÙI ANH DŨNG	1967	270704545	198/3 KP1	XE 2 BÁNH CHỖ KHÁCH	Đầu chợ Thành Tâm KP1	01/04/2020	1.800.000	1.000.000		
2690	NGUYỄN VĂN CHIẾN	1957	270424188	111A/2 KP1	XE 2 BÁNH CHỖ KHÁCH	Đầu chợ Thành Tâm KP1	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
2691	VŨ VĂN THANH	1963	27039369	126/26 KP1	XE 2 BÁNH CHỖ KHÁCH	Đầu chợ Thành Tâm KP1	01/04/2020	1.800.000	1.000.000		
2692	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	1958	272501816	122/2 KP1	XE 2 BÁNH CHỖ KHÁCH	Đầu chợ Thành Tâm KP1	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
2693	ĐÀNG VĂN VỊ	1954	270828109	184D/1 KP 2	BÀN HÀNG RONG(NƯỚC NGỌT)	Trước cổng TH Hòa Bình	01/04/2020	1.400.000	1.000.000		
2694	NGUYỄN THỊ KIM HOA	1961	272398763	136/1 KP 2	BÀN HÀNG RONG(bán com tấm)	Trước cổng TH Hòa Bình	01/04/2020	1.400.000	1.000.000		
2695	ĐỖ NGỌC HỒNG VÂN	1981	271437547	190/1C KP 2	BÀN HÀNG RONG (đồ chơi trẻ em)	Trước cổng TH Hòa Bình	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
2696	NGUYỄN THỊ HỒNG ĐÀO	1978	271376892	184/1N KP 2	CHẠY XE LÔI	184/1N KP 2	01/04/2020	1.900.000	1.000.000		
2697	NGUYỄN VĂN THỨ	1967	272783439	184/1N KP 2	CHẠY XE LÔI	ĐẦU GX HÒA BÌNH	01/04/2020	1.900.000	1.000.000		
2698	ĐÌNH THỊ NGÀ	1974	271067228	36A/3 KP3	KÉO XE LÔI	36A/3 KP3	01/04/2020	1.670.000	1		
2699	TRẦN THỊ HƯƠNG	12/07/1983	182294344	7/4 KP3	CHẠY XE LÔI	7/4 KP3	01/04/2020	1.580.000	1		
2700	NGUYỄN VĂN QUỲ	13/1/1960	271178257	99A/3 KP3	XE LÔI (3 BÁNH CHỖ MUỖN)	CÔNG NGHĨA TRANG HÒA BÌNH	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Chức vụ
2701	NGUYỄN MINH KHANG	11/08/1995	27243132	114/50 KP3	XE LÔI CHỖ MƯỠN	KP3	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
2702	NGUYỄN THỊ DIỄM CHÂU	22/07/1991	272087860	14A/5 KP3	XE LÔI CHỖ MƯỠN	TRƯỜNG HỌC VỞ TRƯỜNG TOÀN	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2703	PHẠM QUANG HOÀNG	29/09/1963	270431927	88B/4 KP3	BÁN HÀNG RONG NƯỚC NGỌT	CÔNG TRƯỜNG HÒA BÌNH	01/04/2020	1.650.000	1		
2704	HOÀNG CÔNG ĐỊNH	02/02/1968	271474795	88B/4 KP3	XE LÔI (3 BÁNH CHỖ MƯỠN)	CÔNG NGHĨA TRANG HÒA BÌNH	01/04/2020	1.550.000	1		
2705	DƯƠNG DUY BÌNH	14/05/1983	271498012	105/3 KP3	XE LÔI (3 BÁNH CHỖ MƯỠN)	CÔNG NGHĨA TRANG HÒA BÌNH	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
2706	VŨ THỊ NGỌC BÍCH	23/09/1975	271117670	5/4A KP3	THU GOM VE CHAI	5/4A KP3	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
2707	TRẦN MINH TÂN	27/09/1972	270963591	42/2 KP3	XE LÔI (3 BÁNH CHỖ MƯỠN)	CÔNG GX HÒA BÌNH	01/04/2020	1.670.000	1		
2708	LÊ MINH ĐỨC	20/03/1982	271498058	42B/2 KP3	XE LÔI (3 BÁNH CHỖ MƯỠN)	CÔNG GX HÒA BÌNH	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
2709	TRẦN THỊ ANH TUYẾT	03/09/1990	271921517	64/4 KP3	XE LÔI (3 BÁNH CHỖ MƯỠN)	CÔNG GX HÒA BÌNH	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
2710	VŨ VĂN TOÀN	02/08/1965	270662564	22A/4 KP3	XE LÔI (3 BÁNH CHỖ MƯỠN)	CÔNG GX HÒA BÌNH	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2711	VŨ NGUYỄN THANH TÙNG	23/09/1998	272649618	53C/3 KP3	XE LÔI CHỖ MƯỠN	53C/3 KP3	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2712	NGUYỄN ĐỨC MẠO	03/03/1954	272647182	13/2 KP3	BÁN HÀNG RONG (trái cây)	13/2 KP3	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2713	NGUYỄN NGỌC VŨ	24/01/1982	271437525	36/2 KP3	XE LÔI (3 BÁNH CHỖ MƯỠN)	CÔNG GX HÒA BÌNH	01/04/2020	800.000	1.000.000		
2714	NGUYỄN NGỌC DUY	17/07/1990	271951829	292/12 KP4	XE BẮC GÁC	292/12 KP4	01/04/2020	1.400.000	1.000.000		
2715	NGUYỄN THỊ LAN	05/10/1972	276066616	88K/4 KP4	BÁN HÀNG RONG (BÁNH MÌ)	NHÀ THỜ LỘ ĐỨC	01/04/2020	1.400.000	1.000.000		
2716	NGUYỄN HOÀNG AN	16/11/1998	272719786	90A/4 KP4	XE 3 BÁNH CHỖ HÀNG	90A/4 KP4	01/04/2020	1.100.000	1.000.000		
2717	LÊ THỊ THUY TRANG	26/06/1988	272011079	82/5 KP4	BÁN HÀNG RONG(bánh trứng)	DÀO KP4,KP7	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
2718	MAI XUÂN TÂN	01/08/1976	271262266	202/98/64 KP4	XE ÔM	202/98/64 KP4	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
2719	VŨ THỊ THOM	08/12/1971	272327787	TỔ 8 KP4	CHẠY XE LÔI	TỔ 8 KP4	01/04/2020	1.800.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2720	HOÀNG MỎ	22/05/1956	270704717	9A/5 KP4	CHẠY XE ÔM	9A/5 KP4	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
2721	NGUYỄN THỊ KIM CÚC	10/12/1959	272271153	69/D5 KP4	XE ÔM	69/D5 KP4	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
2722	NGUYỄN THỊ LAN	16/07/1976	271262529	69D/5 KP4	THU GOM VE CHAI	KP4	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
2723	TRẦN QUANG TUẤN	09/02/1958	270581271	59B/5 KP4	CHẠY XE LÔ(XE 3 BÀNH)	59B/5 KP4	01/04/2020	1.150.000	1		
2724	NGUYỄN THỊ NHƯÂN	01/01/1960	270156227	TỔ 11 KP4	XE 2 BÀNH CHỖ KHÁCH	TỔ 11 KP4	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
2725	NGUYỄN THỊ TRONG	10/05/1945	270898920	TỔ 36 KP4	XE 2 BÀNH CHỖ KHÁCH	TỔ 36 KP4	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2726	NGUYỄN THỊ THANH THUY	22/09/1960	270662235	292/12 KP4	XE BA GIÁC	292/12 KP4	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
2727	NGUYỄN VIỆT LONG	30/11/1961	270662396	KP4	XE 2 BÀNH CHỖ KHÁCH	KP4	01/04/2020	1.250.000	1		
2728	PHẠM BÁ TRÚ	12/08/1961	270379877	TỔ 7 KP4	THU GOM VE CHAI	KP4	01/04/2020	1.100.000	1.000.000		
2729	NGUYỄN NGỌC VINH	27/07/1981	271400901	94M/5 KP4	BÀN HÀNG RONG (CẢ VIÊN CHIÈN)	VĂN PHÒNG KP5	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2730	NGUYỄN VĂN THÂN	19/04/1955	272112315	92N/5 KP4	XE 2 BÀNH CHỖ KHÁCH	KP4	01/04/2020	1.750.000	1		
2731	HOÀNG THỊ THU HƯƠNG	30/09/1995	272646292	83H/7 KP4a	XE 2 BÀNH CHỖ KHÁCH	83H/7 KP 4a	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
2732	NGUYỄN VĂN NGŨ	01/08/1963	270424130	202/85/31 KP 4a	XE 2 BÀNH CHỖ KHÁCH	202/85/31 KP 4a	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
2733	NGUYỄN VĂN GIÀ	01/01/1958	270413468	TỔ 32 KP 4a	THU GOM VE CHAI	TỔ 32 KP 4a	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		
2734	NGUYỄN VĂN SỸ	25/10/1980	271415219	TỔ 32 KP 4a	THU GOM VE CHAI	TỔ 32 KP 4a	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
2735	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	29/10/1957	270704716	202/85/51 KP 4A	THU GOM VE CHAI	202/85/51 KP 4A	01/04/2020	1.600.000	1.000.000		
2736	NGUYỄN CÔNG TOÀN	02/02/1965	271898121	202/69/3 KP 4A	THU GOM VE CHAI	202/69/3 KP 4A	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2737	NGUYỄN VĂN TRINH	01/01/1947	272598449	134/6 KP4A	XE 2 BÀNH CHỖ KHÁCH	KP 4A	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2738	NGUYỄN TÂN THÀNH	04/02/1963	270233179	67B/2 kp5	XE 2 BÀNH CHỖ KHÁCH	CÂY XĂNG LÔ DỪC	01/04/2020	1.700.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2739	BÙI VĂN LONG	19/10/1969	270898750	99/2 kp 5	BÀN KHOAI ĐÀO	DÀO KP5	01/04/2020	1.100.000	1.000.000		
2740	NGUYỄN BÁ PHÚ	28/09/1960	270374903	51/1 kp 5	THU GOM VE CHAI	DÀO KP5	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2741	NGUYỄN VĂN NGỌC	20/10/1960	270558966	51/1 kp 5	THU GOM VE CHAI	DÀO KP5	01/04/2020	1.100.000	1.000.000		
2742	LÊ THỊ THANH HƯỜNG	04/05/1981	2727250565	103C/2 KP6	XE 2 BÁNH CHỖ KHÁCH	CÔNG GX HÒA BÌNH	01/04/2020	1.500.000	1		
2743	TRẦN THỊ HẠNH	20/02/1988	151650759	103C/2 KP6	BÀN HÀNG RONG (NƯỚC NGOT+ BẮP XẢO)	TRƯỜNG HỌC HÒA BÌNH	01/04/2020	1.500.000	1		
2744	PHẠM THỊ MIỀN	15/11/1980	276009114	103C/2 KP6	BÀN HÀNG RONG (NƯỚC NGOT)	TRƯỜNG HỌC HÒA BÌNH	01/04/2020	1.500.000	1		
2745	NGUYỄN THỊ GÁI	10/10/1960	272271107	62/2 KP6	XE 2 BÁNH CHỖ KHÁCH	NGÀ TƯ CÂY XĂNG LỘ ĐỨC	01/04/2020	800.000	1.000.000		
2746	NGÔ THỊ THOM	1982	272379651	36B/3 KP6	LAI XE LÔI	NGHĨA TRANG GX HÒA BÌNH	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2747	Nguyễn Văn Hùng	6/1/1961	270395125	55/1 KP6	XE 2 BÁNH CHỖ KHÁCH	55/1 KP6	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2748	LÊ VIỆT HOÀNG	22/7/1967	272637971	62/2 KP6	BÀN HÀNG RONG (SNACK+NƯỚC)	CÔNG TRƯỜNG HỌC HÒA BÌNH	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
2749	NGUYỄN THỊ HOA	22/11/1969	272637344	86/3 KP6	THU GOM PHÊ LIỆU	KP6	01/04/2020	1.100.000	1.000.000		
2750	LÊ THỊ NHƯÔNG	15/01/1971	272500767	36C/3 KP6	XE LÔI(XE 3 BÁNH)	KP6	01/04/2020	1.100.000	1.000.000		
2751	CAO SONG HẢI	28/4/1968	271211720	15/1 KP6	XE 2 BÁNH CHỖ KHÁCH	15/1 KP6	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2752	NGUYỄN VĂN YẾN	09/5/1961	270914067	36B/3 KP6	BÀN HÀNG RONG (BÁNH TRÀNG NƯỚC)	BÀN HÀNG RONG (BÁNH TRÀNG NƯỚC)	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2753	ĐINH XUÂN THẮNG	15/11/1977	271262543	88/3 KP6	XE LÔI(XE 3 BÁNH)	88/3 KP6	01/04/2020	1.400.000	1.000.000		
2754	ĐOÀN THỊ KIM ANH	03/2/1972	270963386	15/1 KP6	BÀN HÀNG RONG (BÁNH TRÀNG NƯỚC)	CÔNG TRƯỜNG HỌC HÒA BÌNH	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2755	NGUYỄN THỊ MÂY	27/5/1905	272646806	102/2 KP6	BÀN HÀNG RONG (SNACK+NƯỚC)	CÔNG TRƯỜNG HỌC HÒA BÌNH	01/04/2020	1.100.000	1.000.000		
2756	NÀI VĂN TÂM	02/3/1967	270686363	92/1 KP6	THU GOM PHÊ LIỆU	KP6	01/04/2020	1.400.000	1.000.000		
2757	BÙI KHẮC THÀNH	02/10/1955	272193082	98B/2 KP7	THU GOM VE CHAI	KP7	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMD	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2758	ĐINH THỊ NGUYỆT NGÀ		272151647	18/2 KP7	XE 2 BÁNH CHỖ KHÁCH	ĐẦU GX TIỀN CHU	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2759	NGUYỄN DUY NGUYỄN	26/6/1978	271262719	81/81 KP7	XE LÔI(XE 3 BÁNH)	KP7	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2760	TRẦN THỊ PHƯƠNG	18/5/1962	270379282	159/2 KP7	XE LÔI(XE 3 BÁNH)	CÔNG NGHĨA TRANG TIỀN CHU	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2761	NGUYỄN THỊ HIỆP	17/10/1953	270394451	25/3 KP7	BÁN HÀNG RONG BÁN BÁNH MÌ)	ĐẦU GX HÒA BÌNH	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2762	NGUYỄN THỊ TÂN	06/3/1959	270379596	15/14 KP8	XE LÔI(XE 3 BÁNH)	15/14 KP8	01/04/2020	1.800.000	1.000.000		
2763	NGUYỄN THỊ HÒA	17/5/1905	270898804	26/16 KP8	XE 2 BÁNH CHỖ KHÁCH	ĐẦU CHỖ THÁI BÌNH	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2764	NGUYỄN THỊ HIỀN	05/02/1958	270412926	25/14 KP8	XE LÔI XE 3 BÁNH	25/14 KP8	01/04/2020	1.800.000	1.000.000		
2765	ĐÀO MINH TRÍ	18/10/1999	272704942	37/13 KP 8	CHẠY BA GÁC 3 BÁNH	DÀI DỨC MẸ LỘ DỨC	01/04/2020	không có	1		
2766	HÀ THẾ DOANH	14/11/1978	271380389	90/10/35 KP 9	BA GÁC 3 BÁNH	ĐẦU HỀM TRUNG ĐÔNG KP 9	01/04/2020	1.100.000	1.000.000		
2767	TRƯƠNG ĐÌNH THÀNH	02/06/1971	270963723	91/10 KP 9	BÁN HÀNG RONG(BÁN CHUỒI CHIÊN)	DÀI DỨC MẸ VÔ NHIỆM	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2768	NGUYỄN THỊ THÚY	22/09/1994	272278399	90/10/23A KP 9	BA GÁC XE 3 BÁNH	90/10/23A KP 9	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2769	NGUYỄN VĂN ÂN	17/08/1960	270412721	1/9 KP 9	BÁN HÀNG RONG(BÁN GÀ RÁN)	1/9 KP 9	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2770	NGUYỄN VĂN HẢI	10/08/1966	271498468	53/10 KP 9	CHẠY XE LÔI	Tổ 14 kp9	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2771	BÙI MINH NHÂN	10/01/1987	271745615	53/10 KP 9	BÁN HÀNG RONG (BÁN BÉ THU)	NGÃ TƯ CÂY XĂNG LỘ DỨC	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
2772	NGUYỄN HOÀNG MINH	16/10/1986	271673470	91/10/14C KP 9	XE 2 BÁNH CHỖ KHÁCH	91/10/14C KP 9	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2773	NGUYỄN VĂN KHÂM	1956	270089508	26/11 KP 9	BÁN HÀNG RONG(BÁN BÁNH MÌ)	CÔNG TRƯỜNG NGUYỄN CÔNG TRỨ	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2774	NGUYỄN THỊ BÀNH	1954	271415099	47/10/36 KP 9	CHẠY XE KÉO(LÔI)	ĐẦU GX TIỀN CHU	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2775	TRẦN THANH VŨ	1971	270963562	90/10/17 KP 9	XE 2 BÁNH CHỖ KHÁCH	90/10/17 KP 9	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2776	NGUYỄN THẢO TIỀN	1986	271740503	9C/11 KP 9	XE 2 BÁNH CHỖ KHÁCH	9C/11 KP 9	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Nam sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhân và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2777	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	1984	271548261	KP 9	BÁN HÀNG RONG(BÁN BÁNH CHUỐI)	KP 9	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2778	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	1976	271262617	47/10/35 KP 9	BÁN HÀNG RONG TRẢ SỮA	47/10/35 KP 9	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2779	PHẠM VĂN BẢO	1960	272271148	110/38/25/25 KP9	XE 2 BÁNH CHỖ KHÁCH	110/38/25/25 KP9	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2780	LÝ HÙNG LONG	1969	271683812	127/10 KP 9	BÁN HÀNG RONG(XE TRẢ SỮA+ SIRO)	KHU VỰC TRƯỞNG HỌC KP 9	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2781	VŨ THỊ LÊ QUỲN	1981	271491957	KP 9	CHẠY XE LỖI	KP 9	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2782	ÂU THỊ HU HÀ	1978	271288543	47/10/50 KP 9	XE 2 BÁNH CHỖ KHÁCH	NHÀ THỜ LỘ ĐỨC	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2783	TRẦN VĂN THỊNH	1962	271849937	TÒ 10 KP 9	BÁN HÀNG RONG(BÁN BÁNH KẼO DẠO)	NHÀ THỜ LỘ ĐỨC	01/04/2020	1.400.000	1.000.000		
2784	NGUYỄN THÀNH HINH	1960	270101443	TÒ 11 KP 9	BÁN HÀNG RONG(BÁNH BÁNH KẼO DẠO)	CÔNG TRƯỜNG HỌC Chu văn An	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2785	TRỊNH QUANG KHANH	1961	270412270	47/10A KP 9	CHẠY XE LỖI	47/10A KP 9	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2786	TRUONG THỊ DUYỆT	1947	278009904	60/11 KP 9	CHẠY XE LỖI	60/11 KP 9	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2787	NGUYỄN THỊ NGÁCH	1958	272219326	54F/10 KP 9	BOC CUI THUỄ	54F/10 KP 9	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2788	BÙI VĂN TUYỀN	1952	272271116	9/1/10/14 KP 9	CHẠY XE LỖI	9/1/10/14 KP 9	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2789	PHẠM THỊ THANH TUYẾN	1985	271668606	63A/10KP 9	BÁN HÀNG RONG(XE TRẢ SỮA+ SIRO)	TRƯỚC CÔNG TRƯỜNG KP9	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2790	NGUYỄN THỊ THU THUY	1995	272448972	TÒ 11KP 9	BÁN HÀNG RONG (XE DÂY CÔM CHIỀN)	DÒNG XITỎ	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		
2791	NGUYỄN THỊ NHƯ MAI	1984	271548215	47/10/47 KP9	BOC CUI THUỄ(BOC VAC) HỘ MỐI THOÁT NGHỈO	KP9	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2792	TRẦN THỊ MỸ DUNG	1958	270397810	112/10A KP9	XE 2 BÁNH CHỖ KHÁCH	NHÀ THỜ NGỌC ĐỒNG	01/04/2020	1.100.000	1.000.000		
2793	PHẠM THỊ NGỌC HÀ	1981	271981045	36C/10 KP10	XE 2 BÁNH CHỖ KHÁCH	36C/10 KP10	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2794	BÙI SẾ	1947	270412038	57/5 KP10	XE 2 BÁNH CHỖ KHÁCH	57/5 KP10	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2795	NGUYỄN VĂN TRỊNH	1963	272248841	34/5 KP10	XE 2 BÁNH CHỖ KHÁCH	34/5 KP10	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Chức vụ
2796	VŨ THỊ CHIỀU	1961	272339557	26/6 KP10	XE 2 BÁNH CHỖ KHÁCH	26/6 KP10	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2797	NGUYỄN THỊ ANH ĐÀO	1990	271982336	63A/5 KP10	BÀN HÀNG RONG (XE ĐÂY TRẠI CÂY ĐÀO)	KP10	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2798	ĐÀO TUẤN ANH	1985	271668737	36A/3 KP11	XE 2 BÁNH CHỖ KHÁCH	36A/3 KP11	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2799	TRẦN VĂN PHUỐC	1989	271951535	121/4 KP11	BÀN HÀNG RONG/ XE ĐÂY BÀN BÁNH MÌ (QUE) THỨC ĂN NHANH	121/4 KP11	01/04/2020	1.100.000	1.000.000		
2800	ĐOÀN BẠCH TUYẾT	1974	271065494	12/3A KP11	XE 2 BÁNH CHỖ KHÁCH	12/3A KP11	01/04/2020	1.200.000	1.000.000		
2801	VŨ THỊ THUY	1972	271067107	59/3 KP11	BUỒN BÀN HÀNG RONG(BÀN SỮA ĐÀU NÀNH)	ĐÀU CÔNG GX NGỖ XÁ	01/04/2020	1.300.000	1.000.000		

27. XÃ LONG HƯNG

2802	Huỳnh Ngọc Loan	1972	272845539	Khu 1, Phước Hội	bán hàng rong (bán bún)	kv chợ Sáng, An Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
2803	Lê Văn Hòa	1966	270373894	khu 3, Phước Hội	bốc vác tôn	kv xã Long Hưng, (theo xe)	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2804	Nguyễn Thị Thu Hương	09/10/1986	71809139	khu 3, Phước Hội	phủ quần áo	quán lẩu Nếp Lắm, khu 3, Phước Hội	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2805	Dương Thị Bạc	1953	270233732	khu Cây Ngã	bán hàng rong (bán nước)	kv xã Long Hưng	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2806	Châu Thị Trường	01/01/1956	270233414	Khu Bà Khánh, An Xuân	bán hàng rong (bán nước)	kv xã Long Hưng	01/04/2020	700.000	1.000.000		
2807	Dương Thị Nguyệt	08/09/1968	272086102	khu TĐC Long Hưng	xe 2 bánh chở khách	kv xã Long Hưng	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2808	Phạm Thị Bự	16/09/1967	272006521	khu TĐC Long Hưng	xe 2 bánh chở khách	kv Long Hưng	01/04/2020	0	1.000.000		
2809	Trần Thị Phi	1964	270233338	khu TĐC Long Hưng	thu gom phế liệu	kv xã Long Hưng	01/04/2020	0	1.000.000		
2810	Đỗ Thị Mỹ Lệ	1965	270675928	khu TĐC Long Hưng	bán hàng rong (bán nước giải khát)	kv xã Long Hưng	01/04/2020	500.000	1.000.000		
2811	Nguyễn Thị Minh	03/05/1962	272428030	khu 3, Phước Hội	thu gom phế liệu	khu vực Long Hưng	01/04/2020	0	1.000.000		
2812	Phan Thị Lan	1971	271353190	khu 3, Phước Hội	thu gom phế liệu	kv xã Long Hưng	01/04/2020	0	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhân và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2813	Tô Thị Hòa	1965	271909587	Khu Bà Khánh, An Xuân	bán hàng rong (bán sữa chua, bánh dĩa)	kv Long Hưng, An Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
2814	Trần Văn Hữu	18/10/1966	272226849	khu 3, Phước Hội	bốc vác	kv xã Long Hưng	01/04/2020	0	1.000.000		
2815	Nguyễn Văn Hòa	25/12/1964	272006479	khu 3, Phước Hội	xe 2 bánh chở khách	ngã tư Vũng Tàu, DN	01/04/2020	0	1.000.000		
2816	Trần Tuyết Nhung	23/03/1964	270231166	khu 3, Phước Hội	bán hàng rong (bán rau, đồ ăn)	xã Long Hưng	01/04/2020	0	1.000.000		
2817	Trần Thị Giới	10/05/1905	270233361	Khu Bà Khánh, An Xuân	bán hàng rong (bán rau đao)	kv xã Long Hưng	01/04/2020	0	1.000.000		
2818	Nguyễn Hữu Tài	1969	270945515	khu 3, Phước Hội	xe 2 bánh chở khách	xã Long Hưng	01/04/2020	0	1.000.000		
2819	Lê Văn Út	1973	271123558	khu TĐC Long Hưng	bốc vác	kv xã Long Hưng	01/04/2020	0	1.000.000		
2820	Nguyễn Văn Xuân	20/08/1963	270233623	khu 3, Phước Hội	bốc vác	kv Long Bình Tân	01/04/2020	0	1.000.000		
2821	Lê Văn Vân	1964	270230648	khu 1, Phước Hội	chạy xe ba gác	kv xã Long Hưng	01/04/2020	1.100.000	1.000.000		
2822	Nguyễn Thị Thu Hà	08/01/1984	271606033	khu Đình, An Xuân	bán hàng rong (bán sữa chua dạo)	kv Long Hưng, Long Bình Tân, An Hòa	01/04/2020	400.000	1.000.000		
2823	La Kiến Dư	19/06/1972	271123561	khu 3, Phước Hội	xe 2 bánh chở khách	kv tỉnh Đồng Nai	01/04/2020	1.000.000	1.000.000		
2824	Võ Thanh Thiện	21/11/1996	272544752	khu TĐC Long Hưng	chạy xe ba gác	kv xã Long Hưng	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2825	Nguyễn Thiện Tâm	02/07/1985	271606735	khu 1, Phước Hội	chạy xe ba gác	kv An Hòa, Long Hưng	01/04/2020	0	1.000.000		
2826	Phan Văn Hai	1970	270945486	khu 3, Phước Hội	bốc vác	kv xã Long Hưng	01/04/2020	0	1.000.000		
2827	Huỳnh Thị Huệ	1962	272015121	khu 3, Phước Hội	bưng bê quán cà phê vỉa hè	kp 1, An Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
2828	Hoàng Thị Cảnh	24/07/1978	171646677	khu TĐC Long Hưng	phụ quán ăn	Tam đa quán, An Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
2829	Nguyễn Thị Út Dề	24/09/1979	331282388	tạm trú khu 3, Phước Hội	phụ nấu ăn	cty Cường Thịnh, LBT	01/04/2020		1.000.000		
2830	Huỳnh Thị Thủy Phương	26/03/1959	270233993	khu 2, Phước Hội	phụ quán cơm	Thanh Bạch, kp1 An Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
2831	Chung Hà Nhỏ	1964	270233948	khu Đình, An Xuân	phụ nấu ăn	cty Cường Thịnh, LBT	01/04/2020	0	1.000.000		

STT	Họ và tên	Năm sinh	CMND	Địa chỉ	Công việc trước khi bị mất việc	Địa điểm làm việc	Thời điểm mất việc	Thu nhập hiện tại (ĐVT đồng)	Số tiền hỗ trợ (ĐVT đồng)	Ký nhận và ghi rõ họ tên	Ghi chú
2832	Lê Thị Hồng	01/09/1963	270229580	khu TĐC Long Hưng	bán hàng rong (bán rau)	kv xã Long Hưng	01/04/2020	1.500.000	1.000.000		
2833	Đặng Thị Lệ	28/09/1965	270708484	khu 3, Phước Hội	bán hàng rong (bán đậu hũ)	kv xã Long Hưng	01/04/2020	0	1.000.000		
2834	Lý Thị Nga	1960	272226943	khu 3, Phước Hội	phụ làm bánh trắng tròn (đóng gói)	kv xã Long Hưng	01/04/2020	0	1.000.000		
2835	Võ Công Minh	24/12/1982	271446515	khu 3, Phước Hội	bốc vác	kv p. An Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
2836	Lương Đức Tiến	15/10/1972	173664078	khu 3, Phước Hội	bốc vác	kv p. An Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
2837	Huỳnh Kim Châu	02/08/1956	270231098	khu 1, Phước Hội	phụ quán phở	Mười Danh, kp 1, An Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
2838	Dương Thị Hồng Phương	26/08/1972	272937049	khu 3, Phước Hội	phụ bếp nấu ăn cty	Cty Cường Thịnh, KP Thái Hòa, Long Bình Tân	01/04/2020	0	1.000.000		
2839	Nguyễn Văn Banh	1963	270231075	khu 1, Phước Hội	chạy xe ba gác	trong khu vực xã Long Hưng, An Hòa	01/04/2020	0	1.000.000		
Tổng cộng: 2.839 người									2.839.000.000		

Tổng số tiền hỗ trợ: 2.839.000.000 đồng
(Hai tỷ tám trăm ba mươi chín triệu đồng chẵn)



Nguyễn Hòa Hiệp